

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ ÁN LUẬT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ
VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 41 Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.”	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Luật này quy định về phát triển công nghiệp văn hóa, quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến công nghiệp văn hoá tại Việt Nam.	
- Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều này được xây dựng nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất về các khái niệm cơ bản của Luật, khắc phục khoảng trống của hệ

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Pháp luật hiện hành chưa có văn bản luật quy định thống nhất về khái niệm “công nghiệp văn hoá”, các ngành công nghiệp văn hoá, sản phẩm văn hoá, doanh nghiệp công nghiệp văn hoá và tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hoá.</p>	<p>1. Công nghiệp văn hoá là hệ thống các hoạt động kinh tế nhằm phát huy tài nguyên văn hoá; kết hợp với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và tài sản trí tuệ nhằm tạo ra sản phẩm công nghiệp văn hoá và hoạt động văn hoá; tạo ra giá trị kinh tế và xã hội; góp phần phát triển con người, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức mạnh mềm quốc gia.</p> <p>2. Các ngành công nghiệp văn hoá bao gồm: Điện ảnh; Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; Nghệ thuật biểu diễn; Phần mềm và các trò chơi giải trí; Quảng cáo; Thủ công mỹ nghệ; Du lịch văn hóa; Thiết kế sáng tạo; Truyền hình và phát thanh; Xuất bản hoặc ngành khác đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Sản phẩm công nghiệp văn hoá là hàng hoá, dịch vụ trong các ngành công nghiệp văn hoá, có giá trị kinh tế và giá trị xã hội, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoặc được khai thác hợp pháp từ đối tượng không còn hoặc không thuộc phạm vi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hoạt động công nghiệp văn hoá là hoạt động nằm trong chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>5. Chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá bao gồm các công đoạn sáng tạo, phát triển, sản xuất, phân phối, phổ biến, thương mại hoá, trình diễn, tiêu dùng và tái đầu tư trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>6. Hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá bao gồm: Ứng dụng kỹ thuật và công nghệ; Nghiên cứu và phát triển, Thử</p>	<p>thống pháp luật hiện hành khi chưa có quy định thống nhất về công nghiệp văn hoá. Các khái niệm được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Doanh nghiệp và các luật chuyên ngành có liên quan, đồng thời tham khảo cách tiếp cận của UNESCO và kinh nghiệm quốc tế về phát triển công nghiệp văn hoá. Việc xác định rõ phạm vi các ngành công nghiệp văn hoá, sản phẩm văn hoá, doanh nghiệp công nghiệp văn hoá và tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hoá là cơ sở để áp dụng thống nhất các chính sách phát triển, thống kê, quản lý nhà nước và triển khai các cơ chế hỗ trợ theo quy định của Luật, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>nghiệm; Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, truyền dạy kỹ năng nghề; Xây dựng thương hiệu, tiếp thị, quảng cáo; Xác lập, bảo hộ, định giá và khai thác quyền sở hữu trí tuệ; Cung cấp vốn và dịch vụ tài chính trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>7. Doanh nghiệp công nghiệp văn hoá là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hoá, thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>8. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hoá là việc cơ quan có thẩm quyền cho phép và thực hiện giám sát đối với tổ chức, doanh nghiệp thử nghiệm có thời hạn, phạm vi và điều kiện xác định đối với hoạt động công nghiệp văn hoá hoặc mô hình kinh doanh mới chưa được pháp luật điều chỉnh đầy đủ.</p> <p>9. Hạ tầng công nghiệp văn hoá bao gồm cơ sở vật chất công nghiệp văn hoá và hạ tầng văn hoá số phục vụ một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>10. Cơ sở vật chất công nghiệp văn hoá bao gồm công trình; tổ hợp sáng tạo văn hoá; cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá; không gian sáng tạo văn hoá và cơ sở vật chất khác phục vụ một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>11. Công trình công nghiệp văn hoá là công trình hoặc tổ hợp công trình xây dựng phục vụ trực tiếp một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>12. Tổ hợp sáng tạo văn hoá là khu phức hợp các công trình công nghiệp văn hoá, không gian, hạ tầng kỹ thuật để cho thuê, khai thác, sử dụng nhằm phát triển công nghiệp văn hóa kết hợp với mục tiêu thương mại, dịch vụ tại khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch văn hóa hoặc tại cụm, khu công nghiệp, nhà máy hoặc công trình khác được chuyển đổi công năng thành tổ hợp sáng tạo văn hóa.</p> <p>13. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa là khu vực có ranh giới địa lý xác định, tập trung các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, được đầu tư xây dựng nhằm liên kết các không gian sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; hỗ trợ đào tạo văn hóa, nghệ thuật, giải trí, dịch vụ văn hóa, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, giải trí đồng bộ, hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo.</p> <p>14. Không gian sáng tạo văn hoá là không gian hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp văn hoá thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>15. Hạ tầng văn hoá số là hạ tầng chuyên ngành trong lĩnh vực văn hoá, được hình thành và phát triển trên cơ sở hạ tầng số quốc gia, hạ tầng số công cộng, hạ tầng dữ liệu, nền tảng số dùng chung và hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ nhiều tổ chức, cá nhân trong chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>16. Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia là nền tảng số phục vụ lưu trữ, tích hợp, chuẩn hóa, quản trị và chia sẻ dữ liệu văn hoá số từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, nền tảng số, kho dữ liệu chuyên ngành và nguồn dữ liệu hợp pháp khác.</p> <p>17. Nhân lực công nghiệp văn hóa bao gồm nhân lực trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>18. Nhân tài công nghiệp văn hoá là người có tài năng nổi trội trong các ngành công nghiệp văn hóa, được thể hiện qua năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, thành tích hoặc đóng góp có giá trị đối với sự phát triển công nghiệp văn hóa.</p> <p>19. Chủ thể sáng tạo là cá nhân, nhóm người, tổ chức trực tiếp hoặc chủ trì việc sáng tạo, đồng sáng tạo, phát triển hoặc sở hữu ban đầu đối với tài sản trí tuệ, tài sản số trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>20. Cá nhân hoạt động độc lập trong các ngành công nghiệp văn hoá là nhân lực công nghiệp văn hoá không thuộc quan hệ lao động thường xuyên với một tổ chức cụ thể.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>21. Tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p> <p>22. Tài sản số trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Công nghiệp công nghệ số trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>23. Tài sản trí tuệ gốc trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản trí tuệ được sáng tạo từ đầu, do con người tạo ra, là cơ sở để phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hoá.</p> <p>24. Tài sản trí tuệ phái sinh trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản trí tuệ hoặc tài sản được tạo lập trên cơ sở khai thác hợp pháp tài sản trí tuệ gốc trong các ngành công nghiệp văn hoá thông qua hoạt động chuyển thể, phát triển, cấp phép, nhượng quyền hoặc các hình thức thương mại hóa khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>25. Sàn giao dịch công nghiệp văn hoá là nền tảng số được tổ chức để thực hiện hoạt động giới thiệu, niêm yết, giao dịch và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ giao dịch đối với sản phẩm, quyền tài sản và các đối tượng khác trong các ngành công nghiệp văn hoá theo quy định của pháp luật.</p>	
Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15	Điều 4. Áp dụng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa	Quy định nguyên tắc áp dụng Luật Phát triển công nghiệp văn hóa trong mối quan hệ với các

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.</p>	<p>Trường hợp Luật này có quy định về cơ chế, chính sách khác với luật, nghị quyết khác của Quốc hội về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật này, trừ trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội có quy định cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi hoặc thuận lợi hơn thì Chính phủ quyết định việc áp dụng cơ chế, chính sách đó.</p>	<p>luật, nghị quyết khác của Quốc hội nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>
<p>- Điều 4, Điều 52 Hiến pháp năm 2013 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15;</p> <p>- Điều 115 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 quy định về quyền tài sản.</p> <p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP quy định về chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá phương án xử lý đối với tài sản trí tuệ cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.</p>	<p>Điều 5. Nguyên tắc phát triển công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; thống nhất quản lý và kiến tạo của Nhà nước; phân cấp, phân quyền, phát huy sáng tạo phù hợp với tiềm năng, thế mạnh đặc thù của từng địa phương; huy động sự tham gia rộng rãi của cộng đồng cùng sáng tạo, cùng thụ hưởng các giá trị kinh tế, văn hoá xã hội.</p> <p>2. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá xã hội; giá trị kinh tế và giá trị văn hoá xã hội; bảo vệ và phát huy di sản văn hoá, bản sắc văn hoá Việt Nam.</p> <p>3. Phát triển trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; lấy con người, chủ thể sáng tạo, doanh nghiệp và tài sản trí tuệ làm trung tâm; bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh văn hoá.</p> <p>4. Phát triển đồng bộ chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa và các hoạt động hỗ trợ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ.</p> <p>5. Phù hợp với điều kiện và đặc điểm của Việt Nam, khuyến khích hỗ trợ cá nhân, nhóm sáng tạo, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, các tổ chức phi lợi nhuận và các đơn vị sự nghiệp công lập.</p>	<p>Các nguyên tắc được xây dựng trên cơ sở thể chế hóa chủ trương của Đảng về phát triển văn hóa và con người Việt Nam, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữa đổi mới sáng tạo với bảo đảm an ninh văn hóa, an ninh kinh tế; đồng thời khẳng định vai trò của tài sản trí tuệ là nền tảng của hoạt động sáng tạo và phát triển công nghiệp văn hóa. Quy định này tạo cơ sở thống nhất cho việc ban hành các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa ở trung ương và địa phương.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>6. Bảo đảm tôn trọng, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đang tham gia là quốc gia thành viên.</p> <p>7. Bảo đảm các nguyên tắc trong quản lý, thực hành, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa được quy định tại pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>8. Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, dữ liệu cá nhân.</p>	
<p>- Điều 4, 5, 7 Nghị quyết 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam</p> <p>- Điều 4 Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam: Các ngành công nghiệp văn hóa được định nghĩa rõ ràng, bao gồm: điện ảnh; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; nghệ thuật biểu diễn; phần mềm và các trò chơi giải trí; quảng cáo; thủ công mỹ</p>	<p>Điều 6. Chính sách phát triển công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Nhà nước ưu tiên phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá Việt Nam bảo đảm cân bằng các thành tố của hệ sinh thái, liên kết giữa các chủ thể, các công đoạn trong chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>2. Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hoạt động nâng cao năng lực cạnh tranh của các công đoạn trong chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá theo quy định của pháp luật, ưu tiên các hoạt động phát triển hạ tầng, nhân lực, tài sản trí tuệ và thúc đẩy hình thành sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm, mang bản sắc văn hoá Việt Nam, có giá trị kinh tế và giá trị xã hội, có khả năng xuất khẩu.</p> <p>3. Nhà nước ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển, vận hành hạ tầng công nghiệp văn hoá có tính chất chiến lược, liên vùng, có khả năng lan toả, hình thành hệ sinh thái sáng tạo, tạo động lực phát triển các ngành công nghiệp văn hoá; công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá quốc gia; tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá; hạ tầng văn hoá số. Khuyến khích</p>	<p>Điều này quy định các chính sách trọng tâm của Nhà nước nhằm phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm và tạo đột phá. Các chính sách được xây dựng trên cơ sở kế thừa các cơ chế hiện hành về đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, sở hữu trí tuệ, khoa học và công nghệ, xúc tiến thương mại và hợp tác quốc tế, đồng thời bổ sung các chính sách đặc thù về phát triển chuỗi giá trị công nghiệp văn hóa, phát triển thị trường, hạ tầng, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thu hút nguồn lực xã hội, bảo vệ sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>nghệ; du lịch văn hóa; thiết kế sáng tạo; truyền hình và phát thanh; xuất bản.</p> <p>- Điều 23 Thông tư 75/2026/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 25/06/2026, quy định về nội dung và mức chi các nội dung thành phần phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp văn hóa</p> <p>- Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.</p> <p>- Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.</p> <p>- Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số</p>	<p>huy động mọi nguồn lực hợp pháp để đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp văn hoá, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, dẫn dắt, khu vực tư nhân, cộng đồng và hợp tác công tư tham gia đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng.</p> <p>4. Nhà nước ưu tiên xây dựng chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hoá có kỹ năng liên ngành, có khả năng kết nối nhiều công đoạn hoặc toàn bộ chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p> <p>5. Nhà nước thực hiện cơ chế bảo lãnh tín dụng đối với khoản vay được bảo đảm bằng tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa trong giai đoạn hình thành thị trường tài chính đối với tài sản trí tuệ; mức hỗ trợ giảm dần theo mức độ phát triển của thị trường.</p> <p>6. Nhà nước ưu tiên phát triển tài sản trí tuệ gốc trong các ngành công nghiệp văn hoá, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hoá có hàm lượng bản sắc Việt Nam.</p> <p>7. Nhà nước khuyến khích phát triển hệ thống sàn giao dịch công nghiệp văn hoá nhằm thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm, quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác trong công nghiệp văn hoá; mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và khả năng huy động nguồn lực xã hội cho phát triển công nghiệp văn hoá.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.		
<p>Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hoá có quyền được tham gia và được xem xét hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Luật này khi đáp ứng điều kiện theo quy định.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ công tác thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghiệp văn hóa theo quy định của pháp luật về thống kê và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, nền tảng số phân phối sản phẩm, dịch vụ văn hóa và nền tảng số xuyên biên giới tại Việt Nam có trách nhiệm cung cấp dữ liệu, số liệu liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ văn hóa cho người sử dụng Việt Nam theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của Luật này có trách nhiệm định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ cho cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>5. Việc áp dụng chính sách hỗ trợ, ưu đãi phải bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, có điều kiện, thời hạn và kết quả đầu ra; không hỗ trợ trùng lặp cho cùng một nội dung, nhiệm vụ hoặc khoản chi; tổ chức, cá nhân thụ hưởng có trách nhiệm báo cáo, giải trình và hoàn trả kinh phí trong trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc không đáp ứng điều kiện hưởng chính sách.</p>	<p>Quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu, thực hiện chế độ báo cáo và sử dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ; đồng thời thúc đẩy quản lý trên môi trường số, giám thủ tục hành chính và tránh yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>6. Việc thu thập thông tin, dữ liệu được thực hiện ưu tiên trên môi trường điện tử, thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các hệ thống thông tin; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.</p>	
<p>- Điều 9 Luật Di sản văn hóa, số 45/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025, quy định các hành vi bị nghiêm cấm liên quan đến di sản văn hóa.</p> <p>- Điều 12 Luật Công nghiệp công nghệ số, số 71/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong công nghiệp công nghệ số.</p>	<p>Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm</p> <p>1. Lợi dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hoá để trục lợi.</p> <p>2. Gian lận để hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước trong hoạt động công nghiệp văn hoá theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều này quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động công nghiệp văn hóa nhằm xác lập khuôn khổ pháp lý thống nhất để bảo đảm phát triển công nghiệp văn hóa lành mạnh, bền vững, gắn với bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia.</p>
	<p>Chương II</p> <p>HỆ SINH THÁI CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
<p>- Điều 4 Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24</p>	<p>Điều 9. Hệ sinh thái công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Hệ sinh thái công nghiệp văn hoá là mạng lưới kết nối các chủ thể tham gia vào chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá, bao gồm: cá nhân hoạt động độc lập; chủ thể sáng tạo; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; quỹ đầu tư, quỹ tài chính; cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu; cơ sở công nghiệp văn</p>	<p>Quy định khái niệm và các thành tố của hệ sinh thái công nghiệp văn hoá, xác định đầy đủ các chủ thể tham gia trong toàn bộ chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam;</p> <p>- Điều 12 Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam</p>	<p>hoá công cộng; tổ chức, hội, hiệp hội nghề nghiệp; cơ quan, tổ chức nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các chủ thể khác.</p> <p>2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính theo dõi, định kỳ hàng năm đánh giá tình hình phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu, dữ liệu và thông tin thống kê thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ hàng năm công bố kết quả đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ điều chỉnh, cập nhật, bổ sung và tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp văn hóa.</p>	
<p>- Luật Sở hữu trí tuệ</p> <p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 10. Hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá:</p> <p>a) Tổ chức mạng lưới liên kết, chia sẻ thông tin về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, số liệu thực trạng, xu hướng phát triển trong nước và quốc tế về công nghiệp văn hoá;</p> <p>b) Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sáng tạo và sử dụng bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hoá theo quy định tại Điều 11 Luật này;</p> <p>c) Hỗ trợ quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ theo quy định tại Điều 16 Luật này;</p> <p>d) Hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ theo quy định tại Điều 17 Luật này;</p>	<p>Quy định các nhóm hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá, bao gồm hỗ trợ kết nối mạng lưới, đào tạo kỹ năng sáng tạo, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, chuyển đổi số, phát triển thương hiệu, xúc tiến quảng bá và hỗ trợ tài chính. Đồng thời quy định nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động hỗ trợ phải được bảo đảm từ nguồn tài chính phát triển công nghiệp văn hoá và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đ) Hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển, chuyển đổi mô hình kinh doanh, chuyển đổi số theo quy định tại Điều 32 Luật này;</p> <p>e) Phát triển thương hiệu công nghiệp văn hoá quốc gia theo quy định tại Điều 33 Luật này;</p> <p>g) Tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm công nghiệp văn hoá Việt Nam trên các phương tiện truyền thông trong nước và quốc tế;</p> <p>h) Thúc đẩy tiêu dùng, xúc tiến xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hoá Việt Nam;</p> <p>i) Tài chính và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư theo quy định tại Chương VII Luật này.</p> <p>2. Hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá quy định tại Điều 38 Luật này, thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.</p>	
Luật Sở hữu trí tuệ	<p>Điều 11. Bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sáng tạo và sử dụng bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng sáng tạo, kỹ năng ứng dụng công nghệ và sử dụng bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hoá theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Nhà nước đầu tư hoặc thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu, thuê dịch vụ, hợp tác công tư và các hình thức hợp pháp khác</p>	<p>Quy định chính sách của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng sáng tạo, ứng dụng công nghệ và sử dụng bộ công cụ sáng tạo nhằm nâng cao năng lực của các chủ thể tham gia công nghiệp văn hoá. Đồng thời quy định cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ và hợp tác công tư để xây dựng, vận hành bộ công</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>để phát triển, duy trì, vận hành bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>3. Bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa phục vụ hoạt động sáng tạo, biên tập, thiết kế, sản xuất, phân phối và khai thác sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; hỗ trợ tiếp cận kho học liệu, kho tài nguyên dùng chung; kết nối với các hệ thống phục vụ đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan và các nền tảng số khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Việc cung cấp, khai thác và sử dụng bộ công cụ sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân có cơ hội tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ ở mức cơ bản miễn phí;</p> <p>b) Khuyến khích doanh nghiệp phát triển, cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng theo cơ chế thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật về giá, cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</p> <p>5. Nội dung do tổ chức, cá nhân tạo ra thông qua bộ công cụ sáng tạo thuộc quyền của tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>cụ sáng tạo; xác định nguyên tắc bảo đảm tiếp cận dịch vụ cơ bản miễn phí, khuyến khích phát triển dịch vụ giá trị gia tăng theo cơ chế thị trường và bảo đảm quyền sở hữu đối với các sản phẩm, nội dung do tổ chức, cá nhân tạo ra theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p>
<p>- Luật Trí tuệ nhân tạo số: 134/2025/QH15 ;</p>	<p>Điều 12. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các ngành công nghiệp văn hóa</p>	<p>Hiện nay, sự phát triển nhanh của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR/AR),</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Nghị định số 142/2006/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo.</p> <p>- Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với các mô hình, sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; chưa có cơ chế miễn trừ có kiểm soát để thử nghiệm các mô hình đổi mới sáng tạo trước khi hoàn thiện pháp luật.</p>	<p>1. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát được áp dụng đối với hoạt động công nghiệp văn hoá hoặc mô hình kinh doanh mới trong các ngành công nghiệp văn hóa nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển thị trường và hoàn thiện chính sách, pháp luật.</p> <p>2. Tổ chức, doanh nghiệp có sản phẩm, mô hình kinh doanh, giải pháp công nghệ mới quy định tại khoản 1 Điều này được đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm có kiểm soát khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có tính đổi mới sáng tạo và có khả năng tạo giá trị cho phát triển công nghiệp văn hóa;</p> <p>b) Chưa có quy định của pháp luật điều chỉnh hoặc quy định hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn;</p> <p>c) Có phương án thử nghiệm, quản lý rủi ro, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm;</p> <p>d) Bảo đảm không ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền con người, quyền công dân, bảo đảm không làm sai lệch, mai một nội dung và giá trị hoặc gây nguy cơ hủy hoại di sản văn hóa, môi trường và lợi ích công cộng;</p> <p>đ) Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>3. Việc thử nghiệm được thực hiện trong phạm vi, thời gian, địa bàn và đối tượng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong phạm vi được phê duyệt, tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm được áp dụng cơ chế quản lý đặc thù theo quyết định phê duyệt để thực hiện hoạt động thử nghiệm theo quy định của Chính phủ.</p> <p>4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc giám sát, tạm dừng hoặc chấm dứt thử nghiệm trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>blockchain, nền tảng số, nội dung số và các mô hình kinh doanh mới đang tạo ra nhiều phương thức sáng tạo, sản xuất, phân phối và khai thác sản phẩm công nghiệp văn hóa mà pháp luật hiện hành chưa kịp điều chỉnh hoặc các quy định hiện hành không còn phù hợp. Nếu áp dụng đầy đủ các quy định hiện có có thể hạn chế đổi mới sáng tạo; ngược lại, nếu không có cơ chế quản lý phù hợp sẽ tiềm ẩn rủi ro đối với quyền lợi của người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, an ninh, trật tự xã hội và bảo vệ giá trị văn hóa. Vì vậy, việc thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là cần thiết để tạo không gian chính sách cho đổi mới sáng tạo nhưng vẫn bảo đảm sự giám sát của Nhà nước.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>a) Hết thời hạn thử nghiệm;</p> <p>b) Không còn đáp ứng điều kiện thử nghiệm;</p> <p>c) Vượt quá phạm vi được phê duyệt hoặc phát sinh rủi ro ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm.</p> <p>5. Kết quả thử nghiệm được sử dụng làm căn cứ để đánh giá hiệu quả mô hình, hoàn thiện chính sách, pháp luật và xem xét triển khai chính thức theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Tổ chức, doanh nghiệp tham gia thử nghiệm và cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt, giám sát việc thử nghiệm được áp dụng cơ chế miễn trừ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, phạm vi được phê duyệt, không vụ lợi và không cố ý vi phạm pháp luật.</p> <p>7. Trường hợp hoạt động thuộc phạm vi cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đã được quy định tại luật khác thì thực hiện theo luật đó.</p> <p>8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
	Chương III TÀI SẢN TRÍ TUỆ TRONG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA	
<p>- Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về</p>	<p>Điều 13. Mã định danh tài sản trí tuệ</p>	<p>Hiện nay, mỗi lĩnh vực dùng một hệ định danh riêng lẻ hoặc không có định danh; các lần chuyển nhượng, cấp quyền qua</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>định danh và xác thực điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành. - Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15. - Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về mã định danh thống nhất đối với tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mã định danh tài sản trí tuệ không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ và không phải là điều kiện để thực hiện quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. 2. Mã định danh tài sản trí tuệ được sử dụng để nhận diện, quản lý, truy xuất, kết nối dữ liệu và theo dõi toàn bộ vòng đời của tài sản. 3. Tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá được sử dụng mã định danh theo ngành phù hợp, tương thích với các hệ thống mã định danh quốc tế theo từng loại hình đối tượng quyền sở hữu trí tuệ và được tích hợp chung vào hệ thống dữ liệu mã định danh tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hóa. 4. Tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá tuân thủ quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử. 	<p>nhiều chủ thể không được ghi nhận tập trung làm đứt chuỗi quyền; chi phí thẩm định pháp lý mỗi giao dịch cao; sản phẩm thiếu mã định danh chuẩn quốc tế nên khó vào hệ thống phân phối và thu tiền bản quyền toàn cầu. Thực tiễn còn cho thấy tổ chức, cá nhân sáng tạo không có công cụ để tra cứu, đối chiếu xem sản phẩm của mình có trùng lặp hoặc tương đồng với tài sản trí tuệ đã được xác lập hay không trước khi công bố, dẫn tới rủi ro tranh chấp phát sinh sau khi sản phẩm đã đưa ra thị trường. Không có định danh và chuỗi quyền thì giao dịch và bảo vệ đều không vận hành được ở quy mô lớn. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy vai trò không thể thay thế của Nhà nước trong lĩnh vực này không nằm ở việc trực tiếp thực hiện các giao dịch, mà ở việc bảo đảm một nguồn dữ liệu gốc thống nhất, tin cậy về tình trạng quyền để mọi chủ thể thị trường cùng tham chiếu.</p> <p>Điều này quy định việc cấp mã định danh cho tài sản trí tuệ trong</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>các ngành công nghiệp văn hóa nhằm tạo cơ sở thống nhất cho việc nhận diện, quản lý, truy xuất, kết nối và chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ vòng đời của tài sản. Đồng thời, quy định cho phép sử dụng bổ sung các hệ mã định danh quốc tế nhằm bảo đảm khả năng tương thích, tạo thuận lợi cho giao dịch, khai thác và bảo hộ tài sản trí tuệ trên thị trường quốc tế.</p>
<p>Pháp luật hiện hành chưa quy định về hồ sơ tài sản trí tuệ dưới dạng số phục vụ quản lý, giao dịch và định giá trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Điều 14. Hồ sơ tài sản trí tuệ</p> <p>1. Hồ sơ tài sản trí tuệ là tập hợp thông tin về một tài sản trí tuệ bao gồm các nhóm thông tin nhận diện và tình trạng pháp lý, thông tin do chủ thể quyền tự nguyện cung cấp, thông tin hạn chế tiếp cận, thông tin chỉ cung cấp cho tổ chức tín dụng, nhà đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền và thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hồ sơ tài sản trí tuệ được lập, quản lý dưới dạng số; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và phù hợp, tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế; bảo đảm khả năng định danh, truy xuất, liên thông và trao đổi dữ liệu theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử và chuyển đổi số.</p> <p>3. Hồ sơ tài sản trí tuệ không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ và không phải là điều kiện để thực hiện quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p>	<p>Mặc dù pháp luật đã cho phép sử dụng quyền tài sản để góp vốn, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và huy động vốn, việc áp dụng đối với tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là hồ sơ pháp lý và dữ liệu khai thác chưa đầy đủ, khó định giá, thiếu cơ chế bảo lãnh và chia sẻ rủi ro, trong khi tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư còn thiếu cơ sở và năng lực thẩm định. Vì vậy, cần có chính sách hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ, định giá, xây dựng dữ liệu, kết nối nguồn vốn và phát triển các công cụ tài chính phù hợp, đồng thời vẫn bảo</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>4. Hồ sơ tài sản trí tuệ phục vụ hỗ trợ định giá, giao dịch, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>đảm quyền tự quyết của tổ chức tín dụng và nhà đầu tư.</p> <p>Điều này quy định việc xây dựng và quản lý hồ sơ tài sản trí tuệ dưới dạng số nhằm tập hợp đầy đủ thông tin về tài sản trí tuệ phục vụ bảo hộ, định giá, giao dịch và khai thác thương mại. Quy định đồng thời làm rõ việc lập hồ sơ không làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật hiện hành, qua đó bảo đảm thống nhất với pháp luật về sở hữu trí tuệ và tạo nền tảng cho việc phát triển thị trường tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa.</p>
<p>- Điều 34 Luật doanh nghiệp 2020 quy định về tài sản góp vốn</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí</p>	<p>Điều 15. Sử dụng tài sản trí tuệ</p> <p>1. Tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá được sử dụng để góp vốn, làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ tín dụng theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế quản lý rủi ro, hướng dẫn tổ chức tín dụng xem xét cấp tín dụng có tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ hoặc quyền tài sản phát sinh từ tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; thúc đẩy phát triển các sản phẩm tín dụng, bảo lãnh</p>	<p>Tài sản trí tuệ là tài sản cốt lõi của các doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, đặc biệt trong các lĩnh vực điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, xuất bản, trò chơi điện tử, thiết kế, quảng cáo và nội dung số. Tuy nhiên, mặc dù pháp luật hiện hành đã thừa nhận quyền sở hữu trí tuệ là quyền tài sản và cho phép góp vốn, thế chấp theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Sở</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>tuệ, công nghệ thông tin, hoạt động khoa học, công nghệ</p> <p>- Điều 8 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 131/2025/QH15.</p>	<p>tín dụng và cơ chế chia sẻ rủi ro nhằm mở rộng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp công nghiệp văn hóa.</p> <p>3. Tổ chức tín dụng nhận tài sản trí tuệ làm tài sản bảo đảm sử dụng kết quả định giá của tổ chức thẩm định giá theo quy định của Luật giá làm căn cứ xác định giá tham chiếu để làm cơ sở xác định giá trị tài sản bảo đảm.</p> <p>4. Việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thông tin về biện pháp bảo đảm đã đăng ký được kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghiệp văn hóa và được cập nhật vào hồ sơ tài sản trí tuệ.</p> <p>5. Trường hợp doanh nghiệp công nghiệp văn hóa giải thể, phá sản, tài sản trí tuệ được ưu tiên xử lý theo hướng tiếp tục khai thác thông qua chuyển nhượng hoặc cấp quyền cho chủ thể có năng lực khai thác.</p> <p>6. Cơ chế bảo lãnh hoặc chia sẻ rủi ro có sử dụng nguồn lực nhà nước phải quy định trần bảo lãnh, tỷ lệ đồng chịu rủi ro, điều kiện truy đòi, xử lý tài sản, kiểm toán và kiểm soát giao dịch với bên liên quan.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục và cơ chế xử lý tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hóa.</p>	<p>hữu trí tuệ và pháp luật về giao dịch bảo đảm, việc sử dụng tài sản trí tuệ để tiếp cận tín dụng trên thực tế còn rất hạn chế do thiếu cơ chế định giá, quản lý rủi ro và xử lý tài sản bảo đảm phù hợp. Điều này làm giảm khả năng huy động vốn của doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp sáng tạo.</p> <p>Quy định này góp phần từng bước hình thành thị trường tài chính dựa trên tài sản trí tuệ, mở rộng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, thúc đẩy thương mại hóa kết quả sáng tạo và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, qua đó tạo động lực phát triển công nghiệp văn hóa theo hướng đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.</p>
<p>- Điều 11b Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số</p>	<p>Điều 16. Hỗ trợ quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ</p> <p>1. Chủ thể sáng tạo được cung cấp các công cụ hỗ trợ trong quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ. Việc sử dụng các công cụ hỗ trợ không làm phát sinh, thay</p>	<p>Hiện nay còn thiếu hạ tầng dữ liệu phục vụ quản trị và khai thác tài sản trí tuệ Dữ liệu về chủ thể quyền, phạm vi quyền, tình trạng chuyển giao, ủy quyền, giao dịch, doanh thu và tiền bản quyền còn</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 quy định chuyên đổi số hoạt động sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09/7/2026 của Chính phủ về Hạ tầng văn hóa số.</p> <p>- Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định riêng về việc hỗ trợ quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ.</p>	<p>đổi hoặc chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ và không phải là điều kiện để thực hiện quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.</p> <p>2. Công cụ hỗ trợ quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ:</p> <p>a) Có chức năng xác thực chủ thể sáng tạo, lưu nhật ký sáng tạo, hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, lập hồ sơ tài sản trí tuệ, cung cấp giao diện lập trình ứng dụng kết nối, tích hợp tự động với các nền tảng, hệ thống, công cụ của cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, chuyển đổi số, dữ liệu và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Được cung cấp miễn phí bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được cung cấp theo cơ chế thị trường bởi tổ chức, doanh nghiệp;</p> <p>c) Có dữ liệu được tạo lập, lưu trữ tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị dùng làm chứng cứ theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.</p> <p>d) Được kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin về định danh và xác thực điện tử, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, sàn giao dịch tài sản trí tuệ và các nền tảng số khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, chuyển đổi số và dữ liệu.</p> <p>3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>phân tán. Điều này làm tăng chi phí xác minh, định giá, giao dịch và đối soát khó khăn.</p> <p>Quy định cơ chế hỗ trợ chủ thể sáng tạo quản lý quá trình sáng tạo, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và lập hồ sơ tài sản trí tuệ thông qua các công cụ số. Quy định này nhằm giảm chi phí, thời gian thực hiện thủ tục, tăng khả năng bảo vệ và khai thác tài sản trí tuệ, đồng thời khẳng định việc sử dụng các công cụ hỗ trợ không làm phát sinh hoặc thay đổi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.</p>
<p>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số</p>	<p>Điều 17. Hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ</p> <p>1. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ bao gồm:</p>	<p>Điều này quy định các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa nhằm</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.</p> <p>- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>- Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế cụ thể hỗ trợ chuyên biệt đối với hoạt động định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa.</p>	<p>a) Xây dựng, hoàn thiện phương pháp, chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật và cơ sở dữ liệu phục vụ định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện của Việt Nam;</p> <p>b) Xây dựng các chương trình nghiên cứu, thử nghiệm và mô hình định giá đối với các loại tài sản trí tuệ mới phát sinh trong công nghiệp văn hóa;</p> <p>c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức theo chương trình đào tạo kỹ năng chuyên sâu của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới cho thẩm định viên về giá, chuyên gia sở hữu trí tuệ, luật sư, kiểm toán viên, chuyên gia tài chính, tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong các ngành công nghiệp văn hóa;</p> <p>d) Tổ chức tư vấn giám định, thẩm định chuyên môn, xác định giá trị tiềm năng của tài sản trí tuệ trong công nghiệp văn hóa theo cơ chế hội đồng chuyên gia do cơ quan nhà nước thành lập.</p> <p>2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này; phát triển cơ sở dữ liệu, kho tri thức hỗ trợ nâng cao năng lực định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>3. Bộ Tài chính phối hợp các Bộ ngành liên quan ban hành chuẩn nghề nghiệp đối với thẩm định viên định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa; định kỳ rà soát, đánh giá và công bố danh sách tổ chức thẩm định giá tài sản trí tuệ văn hóa đáp ứng tiêu chí theo quy định.</p> <p>4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và công bố định kỳ cơ sở dữ liệu về giá giao dịch tài sản trí tuệ trong các ngành công</p>	<p>khắc phục những hạn chế về phương pháp, tiêu chuẩn, nguồn nhân lực và cơ sở dữ liệu phục vụ định giá hiện nay. Đồng thời, quy định giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành chuẩn nghề nghiệp, công bố tổ chức đáp ứng điều kiện định giá và bổ sung cơ chế loại trừ, miễn trách nhiệm đối với người thực hiện định giá khi tuân thủ đầy đủ chuẩn mực nghề nghiệp, bảo đảm tính khách quan, trung thực và không có hành vi vụ lợi, qua đó tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động khai thác, giao dịch và huy động nguồn lực từ tài sản trí tuệ trong phát triển công nghiệp văn hóa.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>ng nghiệp văn hóa làm căn cứ tham chiếu cho hoạt động định giá, góp vốn, giao dịch bảo đảm và chuyển nhượng.</p> <p>5. Thẩm định viên và người phê duyệt kết quả định giá tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa đã thực hiện đúng chuẩn nghề nghiệp, đúng thẩm quyền, trung thực, khách quan và không có hành vi thông đồng, vụ lợi thì không bị xem xét trách nhiệm đối với thiệt hại về kinh tế phát sinh do biến động thị trường sau thời điểm định giá.</p>	
	<p style="text-align: center;">Chương IV NHÂN LỰC CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA</p>	
<p>Pháp luật hiện hành chưa có khung năng lực riêng cho nhân lực công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Điều 18. Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa là khung tham chiếu chuyên ngành, xác định các yêu cầu về năng lực đối với từng nhóm nhân lực, vị trí việc làm và cấp độ năng lực trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Khung năng lực được xây dựng bảo đảm phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và tham khảo có chọn lọc các chuẩn năng lực quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam</p> <p>2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành và định kỳ cập nhật Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa làm căn cứ cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân tích, tổng hợp thông tin về nguồn nhân lực công nghiệp văn hoá.</p>	<p>Điều này quy định việc xây dựng Khung năng lực nhân lực công nghiệp văn hóa làm căn cứ thống nhất để xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp, chương trình đào tạo, công nhận kết quả học tập và kỹ năng thực tiễn. Quy định đồng thời thừa nhận giá trị của sản phẩm sáng tạo, dự án và tài sản trí tuệ như minh chứng năng lực, phù hợp với đặc thù của các ngành công nghiệp văn hóa, đồng thời bảo đảm thống nhất với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thông lệ quốc tế.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Điều 24 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 có quy định về một số chính sách đối với giảng viên, giáo viên, người dạy nghề.</p>	<p>Điều 19. Hoạt động phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hoá trong hệ thống giáo dục quốc dân</p> <p>1. Giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên:</p> <p>a) Cập nhật chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên theo hướng tăng cường giáo dục nghệ thuật, phát hiện sớm các tài năng, năng khiếu nghệ thuật để bồi dưỡng, phát triển;</p> <p>b) Hợp tác, mời, ký hợp đồng với đơn vị nghệ thuật, doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia nghệ thuật để tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, cố vấn chuyên môn và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giáo dục nghệ thuật;</p> <p>c) Danh hiệu nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân được công nhận đáp ứng tiêu chuẩn về văn bằng tương ứng đối với môn học đặc thù trong chuẩn nghề nghiệp nhà giáo đối với giáo viên dạy các môn giáo dục nghệ thuật trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;</p> <p>d) Huy động các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, trang bị cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu giáo dục nghệ thuật trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.</p> <p>2. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học:</p> <p>a) Đặc cách tuyển thẳng các thí sinh có năng khiếu nghệ thuật vào học các ngành học phù hợp trong các cơ sở đào tạo;</p> <p>b) Ưu tiên mở các ngành, chuyên ngành văn hóa theo hướng liên ngành đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo;</p>	<p>Nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp văn hóa hiện nay còn thiếu cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Ví dụ, đối với lĩnh vực điện ảnh, mặc dù đã hình thành hệ thống cơ sở đào tạo chuyên ngành, nhưng nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn còn thiếu ở nhiều lĩnh vực quan trọng của chuỗi giá trị điện ảnh. Đội ngũ biên kịch, nhà sản xuất, chuyên gia kỹ xảo (VFX), hoạt hình, âm thanh, hậu kỳ, quản trị bản quyền, phát hành quốc tế, tiếp thị điện ảnh và quản lý nền tảng số còn hạn chế về số lượng và kinh nghiệm thực tiễn.</p> <p>Quy định về các chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hóa trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp, tăng cường phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, đổi mới chương trình đào tạo, thúc đẩy xã hội hóa và mở rộng sự tham gia</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>c) Ưu tiên tuyển dụng, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế đãi ngộ phù hợp đối với nhà giáo, chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân và người có trình độ chuyên môn cao tham gia đào tạo các ngành công nghiệp văn hóa; hỗ trợ nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, thực hành, thực tế tại doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo, tổ chức công nghiệp văn hóa trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo;</p> <p>d) Các cơ sở đào tạo phối hợp với doanh nghiệp định kỳ hằng năm thống kê tỷ lệ sinh viên có việc làm, phân tích, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên tốt nghiệp để tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo hướng mở rộng quy mô, mở rộng đào tạo văn bằng 2;</p> <p>đ) Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng mở, liên thông gồm các học phần cốt lõi và học phần tự chọn chuyên sâu; phù hợp áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, đào tạo kết hợp và đào tạo thực hành tại doanh nghiệp; công nhận một số học phần mà người học tích lũy được từ các khóa đào tạo cấp chứng chỉ kỹ năng nghề tương đương với một số môn học, tín chỉ trong chương trình đào tạo thông qua quy trình đánh giá, công nhận tín chỉ của cơ sở đào tạo;</p> <p>e) Danh hiệu nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân, nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân đáp ứng tiêu chuẩn của nhà giáo để dạy thực hành trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học;</p> <p>g) Cơ sở đào tạo thống nhất với doanh nghiệp về tỷ lệ thời gian tham gia đào tạo của các chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân từ doanh nghiệp công nghiệp văn hóa, cơ sở đào tạo được tính các chuyên gia là giảng viên cơ hữu phù hợp với tỷ lệ thời gian tham gia đào tạo để xác định chỉ tiêu tuyển sinh các ngành công nghiệp văn hóa;</p>	<p>của nghệ sĩ, nghệ nhân, chuyên gia trong hoạt động giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>h) Cấp học bổng, trợ cấp xã hội; miễn giảm học phí, hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt cho người học ngành công nghiệp văn hóa;</p> <p>i) Trên cơ sở liên kết với doanh nghiệp, đảm bảo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, thực hành, thực tập và giảng viên từ doanh nghiệp tham gia đào tạo;</p> <p>k) Đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao cho các nhân lực công nghiệp văn hóa tại địa phương để phù hợp và đáp ứng ngay nguồn nhân lực sẵn có tại chỗ.</p> <p>3. Đào tạo gắn với thực tiễn và hoạt động sáng tạo:</p> <p>a) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học được tổ chức đào tạo gắn với dự án, sản phẩm, tác phẩm, xưởng, studio, nhà hát, bảo tàng, doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và nền tảng số theo pháp luật về giáo dục.</p> <p>b) Hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong quá trình đào tạo phải phục vụ mục tiêu giáo dục, được hạch toán minh bạch và bảo đảm an toàn, chất lượng đào tạo, quyền và lợi ích hợp pháp của người học.</p> <p>c) Quyền đối với tác phẩm, sản phẩm, dữ liệu, hình ảnh và kết quả do người học, nhà giáo, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp hoặc bên tài trợ cùng tạo ra; việc ghi nhận đóng góp, công bố, thương mại hóa, phân chia doanh thu và lợi ích được xác định theo pháp luật và thỏa thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
Điều 3 Nghị định của 179/2024/NĐ-CP	Điều 20. Đào tạo tài năng, bồi dưỡng năng khiếu	Điều này quy định cơ chế thu hút, trọng dụng tài năng, bồi

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Chính phủ, quy định nguyên tắc thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng đối với người có tài năng.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình tập trung nguồn lực phát triển những người có tài năng nổi trội, lĩnh vực ưu tiên và nhiệm vụ có khả năng tạo tác động dẫn dắt thị trường theo hình thức học bổng. 2. Người được tuyển chọn tham gia Chương trình được hỗ trợ chi phí học tập, thực hành, nghiên cứu, sáng tạo, cố vấn nghề nghiệp, đào tạo trong nước, nước ngoài, bảo hộ tài sản trí tuệ và chi phí hợp lý khác theo mục tiêu, kết quả đầu ra được duyệt. 3. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài năng, bồi dưỡng năng khiếu trong công nghiệp văn hóa theo từng thời kỳ. 	<p>dưỡng năng khiếu. Quy định tạo cơ sở pháp lý để xây dựng mạng lưới tài năng, tạo điều kiện thuận lợi về chính sách hỗ trợ phù hợp, qua đó tiếp thu tri thức, kinh nghiệm và nâng cao năng lực cạnh tranh của công nghiệp văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.</p>
<p>Căn cứ vào Điều 28 Nghị định 282/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 14/07/2026, quy định về hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa; nhân lực chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sáng tạo nội dung số về văn hóa; giám tuyển, giám định tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa.</p>	<p>Điều 21. Thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao là người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài theo tiêu chí Chính phủ quy định. 2. Hỗ trợ, ưu đãi đối với nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao: <ol style="list-style-type: none"> a) Nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao được ưu đãi thuế thu nhập cá nhân. b) Được hưởng cơ chế ưu đãi về lương, thưởng cạnh tranh với mức lương, thưởng trong khu vực; được ưu tiên tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức. c) Được hỗ trợ về môi trường làm việc, không gian sống, phương tiện đi lại. d) Được hỗ trợ tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về công nghiệp văn hóa. 	<p>Quy định cơ chế thu hút, trọng dụng nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao thông qua các chính sách ưu đãi về thu nhập, điều kiện làm việc, nghiên cứu, hợp tác quốc tế và tuyển dụng, tạo môi trường thuận lợi để thu hút, giữ chân và phát huy nguồn nhân lực chất lượng cao, bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đ) Được hỗ trợ tài chính, cơ sở vật chất cho nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa.</p> <p>e) Được tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.</p> <p>g) Nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao là người nước ngoài được cấp thẻ tạm trú thời hạn 05 năm và được gia hạn theo quy định; vợ hoặc chồng, con dưới 18 tuổi được cấp thẻ tạm trú với thời hạn tương ứng.</p> <p>h) Thu hút nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao trong cơ quan nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam có nguyện vọng và đáp ứng tiêu chí chất lượng cao được xem xét tiếp nhận vào làm công chức, viên chức không qua thi tuyển, xét tuyển; được xem xét bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý mà không yêu cầu đáp ứng điều kiện thời gian công tác, quy hoạch nếu cơ quan có nhu cầu; được hưởng các chính sách thu hút, trọng dụng, đãi ngộ khác của Nhà nước đối với nhân lực chất lượng cao theo quy định. - Trường hợp công chức, viên chức đã chuyển sang làm việc tại tổ chức, doanh nghiệp, đáp ứng tiêu chí nhân lực công nghiệp văn hóa chất lượng cao có nguyện vọng quay lại làm công chức, viên chức thì được hưởng chế độ, chính sách về lương, phụ cấp, ngạch/hạng tương đương chế độ, chính sách đã được hưởng trước đây. <p>3. Kinh phí thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p style="text-align: center;">Chương V HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
<p>Các quy định của pháp luật hiện hành mới tập trung điều chỉnh việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa công lập mà chưa có cơ chế đủ mạnh để khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư hoặc thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Điều 22. Công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí như sau:</p> <p>a) Trực tiếp phục vụ hoạt động của một hoặc nhiều ngành trong các ngành công nghiệp văn hoá;</p> <p>b) Trực tiếp phục vụ hoạt động của một hoặc nhiều công đoạn trong chuỗi giá trị và hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá;</p> <p>c) Phục vụ chung cho nhiều doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá quốc gia phải đáp ứng đồng thời tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và có quy mô lớn, có ý nghĩa chiến lược đối với quốc gia hoặc có tác động liên vùng.</p> <p>3. Tổ chức công lập quản lý, vận hành công trình là tài sản công được ký hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý với nhà đầu tư, doanh nghiệp để khai thác công trình phục vụ đúng mục đích, bảo đảm hiệu quả.</p> <p>4. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá quốc gia.</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.</p>	<p>Việc đầu tư phát triển hạ tầng hiện nay chủ yếu được thực hiện theo từng lĩnh vực chuyên ngành, thiếu cơ chế liên kết và chia sẻ nguồn lực giữa các ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>Điều này quy định tiêu chí xác định công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá, công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá quốc gia và cơ chế quản lý, khai thác nhằm bảo đảm thống nhất trong đầu tư, vận hành. Đồng thời, phân định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương trong việc ban hành danh mục công trình, tạo cơ sở để huy động nguồn lực và phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hoá phù hợp với điều kiện của từng địa phương.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>6. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, công nhận, chuyển đổi công trình hạ tầng công nghiệp văn hóa trên địa bàn.</p> <p>7. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, bố trí nguồn lực theo thẩm quyền thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghiệp văn hoá đề sáng tạo, phát triển, khai thác, sử dụng hiệu quả và lan toả giá trị của công trình hạ tầng công nghiệp văn hoá.</p>	
<p>Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 23. Thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</p> <p>1. Điều kiện thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá:</p> <p>a) Phù hợp với chính sách của Nhà nước về phát triển văn hoá và công nghiệp văn hoá;</p> <p>b) Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất của địa phương;</p> <p>c) Có quy mô diện tích, phân khu chức năng phù hợp bảo đảm điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp văn hoá; kết nối giao thông thuận lợi;</p> <p>d) Có phương án thành lập, mở rộng phù hợp với chức năng của tổ hợp sáng tạo văn hoá; cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá; đáp ứng quy định về bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và di tích lịch sử, văn hoá, di sản thiên nhiên;</p>	<p>Điều này quy định điều kiện, phương thức đầu tư, trình tự, thủ tục và thẩm quyền thành lập, mở rộng cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá trên cơ sở kế thừa các quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đồng thời bổ sung cơ chế đặc thù phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp văn hoá. Quy định nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, minh bạch cho việc hình thành các khu công nghiệp sáng tạo văn hoá, rút ngắn thủ tục đầu tư, khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội và bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đ) Có phương án xây dựng, phát triển hạ tầng số phù hợp với hoạt động của tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa;</p> <p>e) Điều kiện khác phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu quản lý.</p> <p>2. Việc thành lập, mở rộng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được thực hiện thông qua lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo các phương thức:</p> <p>a) Sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư công;</p> <p>b) Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</p> <p>c) Sử dụng vốn doanh nghiệp.</p> <p>3. Trình tự, thủ tục lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa:</p> <p>a) Dự án đầu tư sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật này, pháp luật về đầu tư công; ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan;</p> <p>b) Đối với dự án thực hiện trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được tổ chức, quản lý theo mô hình khu có ban quản lý theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế, ban quản lý khu chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, với điều kiện dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>c) Đối với dự án thực hiện trong tổ hợp sáng tạo văn hóa và cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa không có ban quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, với điều kiện dự án phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>d) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;</p> <p>đ) Dự án đầu tư sử dụng vốn doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và công nghiệp văn hóa.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước đối với tổ hợp sáng tạo văn hóa trên địa bàn, tối thiểu gồm: theo dõi, giám sát hoạt động của tổ hợp; tiếp nhận đăng ký, thông báo đối với hoạt động văn hóa trong tổ hợp theo quy định của Luật này; cập nhật dữ liệu về tổ hợp sáng tạo văn hóa và các hoạt động khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>5. Tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được xác định là đã được thành lập, mở rộng kể từ ngày cấp có thẩm quyền:</p> <p>a) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa đối với dự án thực hiện theo phương thức đối tác công tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>c) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa đối với dự án sử dụng vốn doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	
<p>Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam, quy định chi tiết về tiêu chí, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa.</p>	<p>Điều 24. Công nhận khu vực đã hình thành là tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</p> <p>1. Khu vực đã hình thành có hoạt động công nghiệp văn hóa được xem xét công nhận là tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa khi:</p> <p>a) Phù hợp với định hướng, mục tiêu của quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và quy hoạch tỉnh;</p> <p>b) Đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có khu vực đã hình thành có hoạt động công nghiệp văn hóa có trách nhiệm rà soát, lập hồ sơ đề xuất và kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều này bổ sung cơ chế công nhận các khu chức năng hiện có đáp ứng điều kiện trở thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa nhằm tận dụng hiệu quả hạ tầng sẵn có, giảm chi phí đầu tư mới và đẩy nhanh quá trình hình thành các trung tâm phát triển công nghiệp văn hóa. Quy định giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận trên cơ sở các tiêu chí thống nhất do Chính phủ quy định, bảo đảm phù hợp với quy hoạch và điều kiện phát triển của từng địa phương.</p>
<p>Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ</p>	<p>Điều 25. Cơ chế tổ chức hoạt động, sự kiện trong tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</p>	<p>Hiện nay, nhiều hoạt động biểu diễn, triển lãm, giới thiệu sản phẩm sáng tạo, giao lưu nghệ</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức, cá nhân được quyền tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo quy chế quản lý, vận hành của khu và không phải thực hiện thủ tục hành chính riêng đối với từng hoạt động, sự kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Khi xây dựng, sửa đổi pháp luật chuyên ngành trong các ngành công nghiệp văn hoá, cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ sung chính sách quản lý từ tiền kiểm từng hoạt động, sự kiện sang tiền kiểm theo chu kỳ đối với hoạt động văn hoá, nghệ thuật, sáng tạo tổ chức trong tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá. 3. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các hoạt động: <ol style="list-style-type: none"> a) Có yếu tố nước ngoài theo quy định của pháp luật; b) Thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; c) Có quy mô, tính chất vượt quá điều kiện bảo đảm an toàn của địa điểm tổ chức theo quy định của pháp luật. 4. Tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hoạt động, sự kiện và việc tuân thủ các điều kiện tổ chức hoạt động, sự kiện theo quy định của pháp luật. 5. Tổ chức quản lý, vận hành tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm sáng tạo văn hóa và khu công nghiệp sáng tạo văn hóa có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý, vận hành; bảo đảm điều 	<p>thuật được tổ chức thường xuyên tại các không gian sáng tạo. Tuy nhiên, đối với nhiều loại hình hoạt động, pháp luật chuyên ngành vẫn yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính riêng đối với từng sự kiện, dẫn đến phát sinh chi phí, kéo dài thời gian chuẩn bị, làm giảm tính linh hoạt của các không gian sáng tạo và chưa phù hợp với đặc thù hoạt động diễn ra liên tục, đa dạng.</p> <p>Để khắc phục bất cập này, dự thảo Luật quy định tổ chức, cá nhân được tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sáng tạo trong tổ hợp sáng tạo văn hóa, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo quy chế quản lý, vận hành của khu mà không phải thực hiện thủ tục hành chính riêng đối với từng hoạt động, sự kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>Việc giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm quy định cụ thể về tỷ lệ diện tích ưu đãi, thời hạn áp dụng, quy chế quản lý, tiêu chí an toàn và cơ chế tổ chức hoạt động,</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>kiện hoạt động, an toàn, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; giám sát việc tuân thủ quy chế của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu; lưu giữ thông tin về hoạt động, sự kiện và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa được Nhà nước hỗ trợ về đất đai, mặt bằng hoặc tài sản công phải dành một tỷ lệ diện tích nhất định cho cá nhân sáng tạo, tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp siêu nhỏ thuê với giá ưu đãi ổn định trong thời hạn tối thiểu do Chính phủ quy định. Cam kết này là điều kiện để được công nhận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn.</p>
<p>Điều 4 Nghị quyết 28/2026/QH16 và các điều từ Điều 5 đến Điều 10 Nghị định 282/2026/NĐ-CP, quy định về việc hình thành, vận hành, đánh giá hiệu quả, ưu đãi đầu tư, cơ chế quản lý, khai thác công trình công nghiệp văn hóa quốc gia, tổ hợp sáng tạo, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa.</p>	<p>Điều 26. Đánh giá hiệu quả đối với hạ tầng công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Hạ tầng công nghiệp văn hoá phải được đánh giá hiệu quả về hiệu quả khai thác, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và tác động đến phát triển công nghiệp văn hoá.</p> <p>2. Đối với hạ tầng công nghiệp văn hoá là tài sản công:</p> <p>a) Kết quả đánh giá hiệu quả tổng thể là căn cứ để quyết định việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, bố trí ngân sách, lựa chọn mô hình quản lý, khai thác, thực hiện cơ chế tự chủ hoặc hợp tác công tư, đánh giá trách nhiệm của cơ quan quản lý và xây dựng, hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp văn hoá;</p> <p>b) Hạ tầng công nghiệp văn hoá không đạt yêu cầu về hiệu quả tổng thể trong nhiều kỳ đánh giá liên tiếp phải được rà soát, xây dựng</p>	<p>Quy định về đánh giá hiệu quả tổng thể và phân cấp cho địa phương xây dựng cơ chế hỗ trợ phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác tài sản công, thúc đẩy xã hội hóa và phát huy vai trò dẫn dắt của các công trình quy mô lớn đối với sự phát triển của hệ sinh thái công nghiệp văn hóa.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>phương án tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình quản lý hoặc khai thác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công và phát huy vai trò thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá.</p> <p>3. Đối với hạ tầng công nghiệp văn hoá khác:</p> <p>a) Kết quả đánh giá hiệu quả tổng thể là căn cứ để rà soát, xem xét các chính sách ưu đãi được hưởng;</p> <p>b) Hạ tầng công nghiệp văn hoá không đạt yêu cầu về hiệu quả tổng thể trong nhiều kỳ đánh giá liên tiếp thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, chấm dứt hoặc thu hồi việc áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ; trường hợp không bảo đảm các cam kết đầu tư hoặc điều kiện hưởng ưu đãi thì xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	
<p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về sử dụng không gian công</p>	<p>Điều 27. Sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế xác định và công bố khu vực, tuyến đường, quảng trường, công viên và không gian công cộng khác được sử dụng để tổ chức hoạt động biểu diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật đường phố trên địa bàn và việc miễn, giảm giá dịch vụ sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa.</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận đăng ký, quản lý, giám sát việc sử dụng không gian công cộng cho hoạt động công nghiệp văn</p>	<p>Điều này bổ sung cơ chế sử dụng không gian công cộng phục vụ hoạt động công nghiệp văn hóa theo hướng đơn giản hóa thủ tục, tăng cường phân cấp cho địa phương và bảo đảm hài hòa giữa phát triển hoạt động văn hóa với yêu cầu về an ninh, trật tự, môi trường và lợi ích cộng đồng. Đồng thời, quy định cơ chế hỗ trợ không gian ưu đãi cho cá nhân sáng tạo, doanh nghiệp siêu nhỏ và mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa nhằm khuyến</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>cộng cho hoạt động công nghiệp văn hóa nói chung.</p>	<p>hóa trên địa bàn và các hoạt động khác theo ủy quyền hoặc phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân được sử dụng không gian công cộng theo trình tự, thủ tục đơn giản, qua môi trường mạng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường và không ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.</p>	<p>khích đổi mới sáng tạo và mở rộng khả năng tiếp cận hạ tầng công cộng.</p>
<p>Pháp luật hiện hành chưa có quy định về lồng ghép đầu tư cho hạ tầng công nghiệp văn hóa trong các dự án đầu tư hạ tầng dân dụng.</p>	<p>Điều 28. Lồng ghép đầu tư cho hạ tầng công nghiệp văn hóa trong các dự án đầu tư hạ tầng dân dụng</p> <p>1. Chủ đầu tư dự án đầu tư hạ tầng dân dụng có quy mô và thuộc loại hình dự án theo quy định của Chính phủ phải dành một phần kinh phí của dự án theo mức tối thiểu trên tổng chi phí xây dựng của dự án để đầu tư cho công nghiệp văn hóa do Chính phủ quy định.</p> <p>2. Hoạt động đầu tư cho công nghiệp văn hóa quy định tại khoản 1 Điều này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Xây dựng, lắp đặt, trưng bày tác phẩm nghệ thuật công cộng; b) Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của cộng đồng dân cư; c) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình công nghiệp văn hóa; d) Tài trợ cho cơ sở công nghiệp văn hóa công cộng; đ) Đóng góp cho Quỹ văn hóa, nghệ thuật; e) Hoạt động khác theo quy định của Chính phủ. <p>3. Khuyến khích nhà đầu tư dành quỹ đất, không gian trong dự án để đầu tư cho công nghiệp văn hóa.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Điều này quy định cơ chế lồng ghép đầu tư cho hạ tầng công nghiệp văn hóa trong các dự án đầu tư hạ tầng dân dụng nhằm huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, tăng cường không gian sáng tạo và các công trình văn hóa công cộng. Đồng thời, khuyến khích nhà đầu tư bỏ trí quỹ đất, không gian và nguồn lực để phát triển công nghiệp văn hóa, góp phần hài hòa giữa phát triển kinh tế, đô thị và phát triển văn hóa bền vững.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Khái niệm, thành phần, yêu cầu về hạ tầng văn hóa số, hạ tầng dữ liệu văn hóa số, nền tảng số dùng chung:</p> <p>- Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định 277/2026/NĐ-CP của Chính phủ về Hạ tầng văn hóa số quy định:</p> <p>- Hạ tầng văn hóa số là hạ tầng chuyên ngành trong lĩnh vực văn hóa, bao gồm hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành (Điều 5).</p> <p>- Hạ tầng dữ liệu văn hóa số gồm kho dữ liệu văn hóa số quốc gia, cơ sở dữ liệu về văn hóa, nền tảng số, hệ thống công nghệ thông tin khác (Điều 6).</p> <p>- Yêu cầu về tích hợp, trao đổi dữ liệu tự động, truy xuất nguồn gốc, đọc, hiểu, xử lý bằng máy, ghi</p>	<p>Điều 29. Hạ tầng văn hóa số</p> <p>1. Hạ tầng văn hóa số bao gồm các thành phần:</p> <p>a) Hạ tầng số phục vụ kết nối, truyền dẫn, xử lý, tính toán theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số, viễn thông, Internet;</p> <p>b) Hạ tầng dữ liệu văn hóa số phục vụ tạo lập, thu thập, xử lý, lưu trữ, phân tích, sử dụng, chia sẻ, bảo trì, cập nhật, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quản lý, quản trị dữ liệu và cơ sở dữ liệu về văn hóa;</p> <p>c) Nền tảng số, hệ thống số, công cụ số đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Hạ tầng dữ liệu văn hóa số là cấu phần cốt lõi của hạ tầng văn hóa số, bao gồm:</p> <p>a) Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia;</p> <p>b) Cơ sở dữ liệu về văn hóa;</p> <p>c) Nền tảng số, hệ thống số, phần mềm xử lý dữ liệu văn hóa số và công cụ kỹ thuật phục vụ tạo lập, chuẩn hóa, quản trị, lưu trữ, kết nối, chia sẻ, phân tích, khai thác và sử dụng dữ liệu văn hóa số.</p> <p>3. Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia chứa dữ liệu văn hóa số tồn tại dưới nhiều định dạng khác nhau; không thay thế cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thu thập, cập nhật, số hóa dữ liệu phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn.</p> <p>5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Hiện nay, hạ tầng số phục vụ công nghiệp văn hóa còn chưa được quan tâm đúng mức. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn phân tán, thiếu tính kết nối và chia sẻ; việc ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số trong quản lý, khai thác và phát triển thị trường còn nhiều hạn chế. Điều này làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng hoạch định chính sách, thu hút đầu tư và phát triển thị trường.</p> <p>Điều này quy định khung pháp lý về hạ tầng văn hóa số, bao gồm hạ tầng số, dữ liệu, nền tảng số và hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm tạo nền tảng cho chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Quy định đồng thời làm rõ nguyên tắc đầu tư, vận hành, cơ chế tự chủ và giá trị pháp lý của dữ liệu số hóa, bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa và quản lý nhà nước.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>nhận lịch sử truy xuất (Điều 6).</p> <p>- Nền tảng số dùng chung trong lĩnh vực văn hóa là nền tảng số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm chủ quản, đầu tư, thuê dịch vụ, quản lý hoặc công nhận để phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa (Điều 5, khoản 1, điểm c).</p>		
	<p style="text-align: center;">Chương VI</p> <p style="text-align: center;">THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
	<p style="text-align: center;">Mục 1</p> <p style="text-align: center;">SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
<p>- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15</p> <p>- Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số</p>	<p>Điều 30. Sản phẩm công nghiệp văn hoá bản sắc Việt Nam</p> <p>1. Hàm lượng bản sắc Việt Nam của sản phẩm công nghiệp văn hoá được xác định dựa trên các nhóm tiêu chí về nội dung, chủ thể sáng tạo và quá trình sản xuất phù hợp với đặc thù của từng ngành công nghiệp văn hoá.</p> <p>2. Việc đánh giá, phân loại, xếp hạng sản phẩm công nghiệp văn hoá theo hàm lượng bản sắc Việt Nam là cơ sở để áp dụng các chương trình, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Luật này.</p>	<p>Điều này quy định hệ thống tiêu chí xác định hàm lượng bản sắc Việt Nam của sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên cơ sở các yếu tố về nội dung, nhân lực sáng tạo và quá trình sản xuất nhằm tạo căn cứ khách quan cho việc lựa chọn dự án, sản phẩm và áp dụng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Quy định giao Bộ Văn hóa, Thể</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>131/2025/QH15.</p> <p>- Luật quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH13, Luật số 79/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 269/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định một số cơ chế chính sách đặc thù bảo vệ văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.</p> <p>- Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định thống nhất về việc xác định hàm lượng bản sắc Việt Nam của sản phẩm, dịch vụ văn hóa để làm căn cứ áp dụng chính sách hỗ trợ.</p>	<p>3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chí, phương pháp và thang điểm đánh giá hàm lượng bản sắc Việt Nam của sản phẩm công nghiệp văn hoá; phân loại sản phẩm công nghiệp văn hoá theo hàm lượng bản sắc Việt Nam trong các ngành công nghiệp văn hoá.</p>	<p>thao và Du lịch hướng dẫn phương pháp xác định cụ thể để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực và yêu cầu phát triển công nghiệp văn hóa trong từng giai đoạn.</p>
<p>- Căn cứ vào Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ, số 50/2005/QH11 (được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 36/2009/QH12,</p>	<p>Điều 31. Tài sản trí tuệ gốc, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm</p> <p>1. Tài sản trí tuệ gốc trọng điểm trong các ngành công nghiệp văn hoá là tài sản trí tuệ gốc đáp ứng được đồng thời các tiêu chí sau:</p>	<p>Điều này quy định cơ chế đồng đầu tư của Nhà nước đối với các dự án phát triển tài sản trí tuệ gốc mang bản sắc Việt Nam, trên cơ sở lựa chọn công khai, cạnh tranh</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>07/2022/QH15, 131/2025/QH15), tài sản trí tuệ bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.</p> <p>- Căn cứ vào Điều 4 Nghị quyết 28/2026/QH16 của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2026, quy định về cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa, trong đó có hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ chức, cá nhân đầu tư vào hạ tầng số, phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa và phát triển trọng tâm một số ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa, được hỗ trợ.</p>	<p>a) Có giá trị văn hoá, xã hội, nghệ thuật, lịch sử hoặc sáng tạo đặc sắc, góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam;</p> <p>b) Có tiềm năng phát triển thành hệ sinh thái sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ có giá trị kinh tế và giá trị xã hội;</p> <p>c) Có tiềm năng trở thành thương hiệu văn hoá quốc gia, có tác động lan toả trong nước, quốc tế, bền vững, lâu dài.</p> <p>2. Sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm là sản phẩm công nghiệp văn hoá đáp ứng một trong những tiêu chí sau:</p> <p>a) Sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;</p> <p>b) Có giá trị văn hoá, xã hội, nghệ thuật, lịch sử hoặc sáng tạo đặc sắc, góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam;</p> <p>c) Thị trường trong nước đang có nhu cầu lớn, tạo ra giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả tới các ngành, lĩnh vực khác;</p> <p>d) Thị trường quốc tế đang có nhu cầu lớn, có tiềm năng xuất khẩu, có tiềm năng phát triển thương hiệu quốc gia Việt Nam, quảng bá hình ảnh, bản sắc văn hoá Việt Nam;</p> <p>đ) Đáp ứng nhu cầu văn hóa thiết yếu hoặc góp phần nâng cao khả năng tiếp cận văn hóa của người dân, nhất là trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số và người dân tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.</p>	<p>và gắn với hiệu quả thương mại hóa. Chính sách này nhằm khuyến khích hình thành các tài sản trí tuệ có giá trị cao, có khả năng phát triển thành nhiều sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu văn hóa Việt Nam, đồng thời bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước thông qua cơ chế chia sẻ rủi ro và hoàn trả kinh phí khi dự án đạt hiệu quả vượt cam kết.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	3. Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm từng thời kỳ phù hợp với yêu cầu quản lý và phát triển các ngành công nghiệp văn hoá.	
	Mục 2 DOANH NGHIỆP CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ	
<p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng cho hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá.</p>	<p>Điều 32. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá bao gồm:</p> <p>a) Phát triển năng lực số, triển khai áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh;</p> <p>b) Phát triển năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị tài sản trí tuệ, quản trị dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng;</p> <p>c) Phát triển và quảng bá thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế;</p> <p>d) Tư vấn chuyển đổi mô hình kinh doanh để nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và khả năng khai thác tài sản trí tuệ;</p> <p>e) Kết nối với chủ thể sáng tạo, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư, nhà phân phối và đối tác trong nước, quốc tế.</p> <p>2. Doanh nghiệp công nghiệp văn hoá tham gia các hoạt động hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này cần đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</p>	<p>Bổ sung cơ chế hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá. Thực tiễn cho thấy phần lớn doanh nghiệp công nghiệp văn hóa ở Việt Nam có quy mô nhỏ và vừa, năng lực quản trị, chuyên đổi số, khai thác tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và tiếp cận thị trường quốc tế còn hạn chế. Trong khi đó, sự phát triển của công nghiệp văn hóa ngày càng phụ thuộc vào năng lực đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, quản trị dữ liệu và khả năng kết nối với các chủ thể trong hệ sinh thái sáng tạo. Vì vậy, việc Nhà nước hỗ trợ nâng cao năng lực cho doanh nghiệp là cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng bền vững của ngành.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>a) Có phát triển tài sản trí tuệ gốc trọng điểm;</p> <p>b) Có phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm;</p> <p>c) Có phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá có hàm lượng bản sắc văn hoá Việt Nam.</p> <p>3. Nhân sự trong doanh nghiệp công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 2 Điều này tham gia các hoạt động hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này cần trực tiếp tham gia chuỗi giá trị hoặc hoạt động hỗ trợ chuỗi giá trị công nghiệp văn hoá đối với sản phẩm công nghiệp văn hoá có hàm lượng bản sắc văn hoá Việt Nam.</p> <p>4. Hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển đối với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá quy định tại Điều 38 Luật này.</p>	
<p>- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15</p> <p>- Quyết định số 03/2026/QĐ-TTg ngày 20/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg.</p> <p>- Luật Cạnh tranh số</p>	<p>Điều 33. Hoạt động phát triển thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia</p> <p>1. Hoạt động phát triển thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia bao gồm:</p> <p>a) Xây dựng, quảng bá và phát triển hệ thống nhận diện thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia và thương hiệu của các ngành công nghiệp văn hóa;</p> <p>b) Lựa chọn, hỗ trợ quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, tài sản trí tuệ và doanh nghiệp tiêu biểu đại diện cho thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia;</p>	<p>Điều này quy định Chương trình thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia nhằm lựa chọn, công nhận và quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, doanh nghiệp tiêu biểu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và xây dựng hình ảnh, thương hiệu công nghiệp văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>23/2018/QH14.</p> <p>- Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15.</p> <p>- Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về phát triển thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia.</p>	<p>c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp văn hóa tham gia các chương trình quảng bá, triển lãm, liên hoan, hội chợ, chợ nội dung, diễn đàn, giải thưởng và các sự kiện chuyên ngành trong nước và quốc tế;</p> <p>d) Xây dựng, vận hành các nền tảng truyền thông, cơ sở dữ liệu và chương trình truyền thông nhằm quảng bá thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia;</p> <p>đ) Hỗ trợ phát triển thương hiệu quốc tế đối với các tài sản trí tuệ, sản phẩm, dịch vụ và doanh nghiệp có tiềm năng trở thành biểu tượng của công nghiệp văn hóa Việt Nam;</p> <p>e) Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các giải thưởng, liên hoan, tuần lễ, diễn đàn và các hoạt động định kỳ khác nhằm xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia.</p> <p>2. Doanh nghiệp và sản phẩm công nghiệp văn hoá được công nhận thương hiệu công nghiệp văn hoá quốc gia có các quyền sau đây:</p> <p>a) Sử dụng biểu trưng thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá;</p> <p>b) Được hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và quyền sở hữu trí tuệ liên quan ở nước ngoài;</p> <p>c) Được ưu tiên tham gia hoạt động xúc tiến, xuất khẩu quy định tại Điều 40 của Luật này và sự kiện đối ngoại của Nhà nước.</p> <p>3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chí, hồ sơ, trình tự công nhận, thu hồi và việc quản lý, sử dụng biểu trưng thương hiệu công nghiệp văn hóa quốc gia, bảo đảm kết nối với chương trình thương hiệu quốc gia theo quy định của pháp luật về xúc tiến thương mại.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p style="text-align: center;">Mục 3</p> <p style="text-align: center;">SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
<p>Điều 15 Nghị định 277/2026/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thu hút đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, trong đó có các nền tảng thương mại điện tử, sàn giao dịch sản phẩm, sàn giao dịch tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Điều 34. Phân loại sàn giao dịch công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Sàn giao dịch công nghiệp văn hoá được tổ chức theo một trong các loại hình sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Sàn giao dịch sản phẩm công nghiệp văn hoá; b) Sàn giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và quyền khai thác tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hoá; c) Sàn giao dịch tổng hợp thực hiện từ hai loại hình quy định tại điểm a và điểm b khoản này trở lên. <p>2. Việc tổ chức và hoạt động của sàn giao dịch công nghiệp văn hoá phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, thương mại, giao dịch điện tử, bảo vệ dữ liệu, cạnh tranh và pháp luật có liên quan; b) Công khai, minh bạch, bình đẳng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch; c) Bảo đảm xác thực thông tin chủ thể tham gia giao dịch, truy xuất nguồn gốc giao dịch và an toàn, an ninh thông tin; d) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. 	<p>Quy định các loại hình sàn giao dịch công nghiệp văn hóa, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển hạ tầng giao dịch số đối với sản phẩm, dịch vụ và tài sản trí tuệ trong các ngành công nghiệp văn hóa, góp phần thúc đẩy thương mại hóa và mở rộng thị trường.</p>
<p>- Điều 13 Nghị quyết 222/2025/QH15 của Quốc hội về Trung tâm tài chính</p>	<p>Điều 35. Sàn giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá</p>	<p>Trên thực tiễn, không có “chợ” chính thức, giao dịch quyền diễn ra phi chính thức bằng thỏa thuận</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>quốc tế tại Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/09/2025 quy định: Các sàn giao dịch, nền tảng giao dịch được thành lập và hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế trong các lĩnh vực, trong đó có giao dịch sản phẩm văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>- Điều 7 Nghị định 277/2026/NĐ-CP quy định: Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua Sàn giao dịch dữ liệu, Sàn giao dịch bản quyền số và tài sản số; đồng thời kết nối với các nền tảng số, hệ thống số thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API); thiết lập cổng kiểm thử giao diện lập trình (API sandbox) công khai với dữ liệu giả lập dành cho cộng đồng nhà phát triển.</p>	<p>1. Sàn giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá là sàn giao dịch công nghiệp văn hoá chuyên thực hiện việc niêm yết, môi giới, chuyển giao, cấp phép khai thác, đấu giá, mua bán và các hoạt động hỗ trợ giao dịch đối với quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác tài sản trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác tài sản trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá được giao dịch trên sàn khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; trường hợp tài sản đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hoặc đang có tranh chấp thì giao dịch phải tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Tổ chức vận hành sàn giao dịch có trách nhiệm:</p> <p>a) Bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn hệ thống, an ninh mạng và tính minh bạch của hoạt động giao dịch;</p> <p>b) Kiểm tra, xác thực thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Công khai quy chế hoạt động, quy trình giao dịch, cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp và trách nhiệm của các bên tham gia;</p> <p>d) Lưu trữ thông tin, dữ liệu giao dịch; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>đ) Áp dụng biện pháp phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn hành vi gian lận, giả mạo, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm pháp luật khác;</p> <p>e) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.</p>	<p>riêng lẻ, nhiều trường hợp không ghi nhận được chi phí, doanh thu - thất thu cho cả doanh nghiệp lẫn ngân sách, đúng thực trạng đã nêu trong Báo cáo định hướng dự án Luật. Điều này được thiết kế để hóa giải trực tiếp thực trạng đó: giao dịch qua sàn tự động trở thành chứng từ hợp pháp cho hạch toán và thuế, biến tuân thủ thành lựa chọn rẻ hơn vi phạm. Thực tiễn cũng cho thấy một khó khăn khác: các chủ thể trong chuỗi giá trị - chủ thể quyền, tổ chức, cá nhân sáng tạo, đơn vị sản xuất và đơn vị phân phối - hoạt động phân tán, thiếu kênh kết nối chính thức, dẫn tới nhiều ý tưởng sáng tạo không tìm được đơn vị sản xuất phù hợp và nhiều sản phẩm hoàn thiện không tiếp cận được kênh phân phối. Đồng thời, do công nghiệp văn hóa có tính phân mảnh cao với khối lượng lớn giao dịch giá trị nhỏ ở nhiều phân ngành khác nhau, việc quy định một sàn duy nhất sẽ tạo điểm nghẽn thủ tục và hạn chế đổi mới; vì vậy quy định xác lập nguyên</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Điều 13, Điều 15 Nghị định 277/2026/NĐ-CP quy định:</p> <p>+ Nền tảng quản trị tài sản số, sàn dữ liệu văn hóa và sàn giao dịch bản quyền số phục vụ truy xuất nguồn gốc dữ liệu, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và hỗ trợ giao dịch, thương mại hóa các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, tài sản số (Điều 13).</p> <p>+ Doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, phát triển công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ văn hóa số được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số và pháp luật có liên quan khi đáp ứng điều kiện, tiêu chí</p>	<p>4. Nhà nước khuyến khích việc hình thành cơ sở dữ liệu về giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá nhằm hỗ trợ hoạt động định giá, chuyển giao, thương mại hóa tài sản trí tuệ và hoạch định chính sách phát triển công nghiệp văn hoá.</p> <p>5. Việc áp dụng chính sách ưu đãi về thuế đối với hoạt động giao dịch quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm công nghiệp văn hoá được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và giám sát đối với sàn giao dịch công nghiệp văn hoá.</p>	<p>tắc nhiều chủ thể cùng cung ứng dịch vụ giao dịch trên nền dữ liệu gốc thống nhất, trong đó sàn quốc gia giữ vai trò hạ tầng nền và bảo đảm cung ứng dịch vụ ở những phân khúc mà thị trường chưa có động lực tham gia.</p> <p>Điều này bổ sung cơ sở pháp lý cho việc hình thành sàn giao dịch tài sản trí tuệ văn hóa nhằm thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ, tăng tính minh bạch của thị trường và mở rộng khả năng huy động nguồn lực từ tài sản trí tuệ. Quy định đồng thời xác định điều kiện niêm yết, trách nhiệm của đơn vị vận hành sàn, cơ chế kết nối dữ liệu và chính sách ưu đãi thuế, góp phần phát triển thị trường tài sản trí tuệ và nâng cao hiệu quả khai thác các sản phẩm sáng tạo.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
tương ứng theo quy định của pháp luật (Điều 15).		
	<p style="text-align: center;">Mục 4</p> <p style="text-align: center;">THÚC ĐẨY TIÊU DÙNG, XÚC TIẾN XUẤT KHẨU</p>	
<p>Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 36. Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật được hưởng chính sách hỗ trợ tiêu dùng sản phẩm công nghiệp văn hóa.</p> <p>2. Hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa được thực hiện thông qua một hoặc nhiều hình thức sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ trực tiếp đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Ưu đãi, giảm giá đối với sản phẩm công nghiệp văn hóa;</p> <p>c) Kích cầu, khuyến khích tiêu dùng;</p> <p>d) Các hình thức hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc hỗ trợ tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa có thể được thực hiện thông qua Thẻ văn hóa quốc gia hoặc phương thức phù hợp khác do Chính phủ quy định.</p> <p>4. Khoản hỗ trợ chỉ được sử dụng để thanh toán cho sản phẩm công nghiệp văn hóa thuộc phạm vi được hỗ trợ và không được quy đổi thành tiền mặt.</p> <p>5. Dữ liệu phát sinh từ việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiêu dùng được quản lý, khai thác và sử dụng phục vụ thống kê, hoạch định</p>	<p>Quy mô thị trường tiêu dùng văn hóa của Việt Nam còn nhiều dư địa phát triển nhưng mức chi tiêu cho các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa còn thấp, đặc biệt đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác.</p> <p>Trong khi đó, nhiều quốc gia đã triển khai các chương trình hỗ trợ tiêu dùng văn hóa thông qua phiếu văn hóa, thẻ văn hóa hoặc hình thức hỗ trợ điện tử nhằm vừa bảo đảm quyền tiếp cận văn hóa của người dân, vừa tạo động lực phát triển thị trường công nghiệp văn hóa.</p> <p>Việc xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu dùng vì vậy là cần thiết để thực hiện chủ trương phát triển</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>chính sách theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Kinh phí thực hiện chính sách thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.</p> <p>7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>văn hóa gắn với phát triển kinh tế và mở rộng thị trường cho các sản phẩm công nghiệp văn hóa.</p>
<p>- Điều 9 Nghị quyết 28/2026/QH16 về phát triển văn hoá Việt Nam</p> <p>- Pháp luật hiện hành mới quy định về xúc tiến thương mại nói chung, chưa có chương trình chuyên biệt về xúc tiến và xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghiệp văn hóa; chưa quy định cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp văn hóa tham gia hội chợ, triển lãm, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và phát triển thị trường quốc tế.</p>	<p>Điều 37. Xúc tiến xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và chủ thể sáng tạo đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật được hưởng chính sách hỗ trợ xúc tiến và phát triển thị trường đối với sản phẩm công nghiệp.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ bao gồm:</p> <p>a) Cung cấp thông tin thị trường; kết nối đối tác, mạng lưới phân phối trong nước và quốc tế;</p> <p>b) Tham gia hội chợ, triển lãm, liên hoan, hội nghị, diễn đàn và các hoạt động xúc tiến công nghiệp văn hóa trong nước và nước ngoài;</p> <p>c) Hỗ trợ quảng bá, phân phối sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số và hệ thống phân phối trong nước, quốc tế;</p> <p>d) Hỗ trợ đăng ký, xác lập, bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn pháp lý; dịch thuật, bản địa hóa và các hoạt động cần thiết để phát triển thị trường quốc tế;</p> <p>đ) Các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư và phát triển thị trường khác phục vụ xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa.</p>	<p>Bổ sung Chương trình xúc tiến công nghiệp văn hóa quốc gia nhằm hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa; quy định các nội dung hỗ trợ về thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, phân phối số, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và giao nhiệm vụ xúc tiến công nghiệp văn hóa cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>3. Hoạt động xúc tiến công nghiệp văn hóa quốc gia được xây dựng và tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ với Chương trình Thương hiệu quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình xúc tiến đầu tư và các chương trình quốc gia khác có liên quan. Chính phủ quy định tiêu chí, điều kiện, nội dung và phương thức hỗ trợ quy định tại Điều này.</p>	
	<p style="text-align: center;">Chương VII TÀI CHÍNH VÀ HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ</p>	
	<p style="text-align: center;">Mục 1 TÀI CHÍNH CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ</p>	
<p>- Điều 36, 37 Luật Ngân sách nhà nước 2025</p> <p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 38. Tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá:</p> <p>a) Nguồn ngân sách nhà nước cho văn hoá và các ngành công nghiệp văn hoá theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật chuyên ngành;</p> <p>b) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;</p> <p>c) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;</p>	<p>Điều này được xây dựng nhằm tạo cơ sở pháp lý để huy động, kết hợp và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính cho phát triển công nghiệp văn hóa, bảo đảm thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng, đồng thời hạn chế việc hình thành thêm cơ chế tài chính mới hoặc phát sinh gánh nặng cho ngân sách nhà nước.</p> <p>Thực tiễn cho thấy phát triển công nghiệp văn hóa đòi hỏi</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>d) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ Văn hoá, nghệ thuật; Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chính phủ quy định nội dung chi, lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn tài chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; hướng dẫn sử dụng các nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	<p>nguồn lực đầu tư lớn, dài hạn và đa dạng, trong khi nguồn lực từ ngân sách nhà nước còn hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều chính sách hỗ trợ liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đầu tư, chuyển đổi số, xúc tiến thương mại, phát triển doanh nghiệp đã được quy định trong các luật chuyên ngành nhưng chưa có cơ chế kết nối để doanh nghiệp công nghiệp văn hóa tiếp cận, khai thác hiệu quả.</p>
<p>Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá từ các quỹ do cơ quan nhà nước thành lập.</p>	<p>Điều 39. Tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá từ các quỹ do cơ quan nhà nước thành lập</p> <p>1. Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ do cơ quan nhà nước thành lập, thí điểm thành lập theo quy định của pháp luật được sử dụng để hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hoá khi đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của quỹ.</p> <p>2. Khi xây dựng, sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động hoặc quy chế tài chính của quỹ do cơ quan nhà nước thành lập, cơ quan có thẩm quyền xem xét bổ sung nhiệm vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hoá phù hợp với chức năng, mục tiêu hoạt động của quỹ, bảo đảm thể chế hoá kịp thời chủ trương của Đảng về cơ chế tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá và thực hiện quy định tại Luật này.</p>	<p>Hiện nay, nhiều quỹ tài chính nhà nước và quỹ do cơ quan nhà nước thành lập như quỹ hỗ trợ đầu tư, quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ, quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc các quỹ khác có chức năng hỗ trợ đổi mới sáng tạo, đầu tư, nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực hoặc phát triển doanh nghiệp. Điều này được xây dựng nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và các quỹ do cơ quan nhà nước thành lập trong việc hỗ trợ phát triển công</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>ng nghiệp văn hóa, đồng thời tránh việc thành lập thêm quỹ mới, phù hợp với chủ trương đổi mới cơ chế quản lý tài chính công và sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có.</p>
<p>Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá từ các quỹ do khu vực tư nhân thành lập.</p>	<p>Điều 40. Tài chính cho phát triển công nghiệp văn hoá từ các quỹ do khu vực tư nhân thành lập</p> <p>Quỹ tư nhân thực hiện tài trợ, đầu tư hoặc hỗ trợ đối với dự án phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hoá bản sắc Việt Nam được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế, đầu tư và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Quy định cơ chế khuyến khích nguồn lực xã hội tham gia phát triển công nghiệp văn hoá thông qua các quỹ do khu vực tư nhân thành lập. Theo đó, các quỹ thực hiện tài trợ, đầu tư hoặc hỗ trợ đối với các dự án phát triển sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm và sản phẩm mang bản sắc Việt Nam được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế, đầu tư và pháp luật có liên quan, góp phần đa dạng hóa nguồn lực tài chính và thúc đẩy xã hội hóa đầu tư cho công nghiệp văn hoá.</p>
<p>Pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về cơ chế đồng đầu tư phát triển công nghiệp văn hoá.</p>	<p>Điều 41. Cơ chế đồng đầu tư phát triển công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Cơ chế đồng đầu tư giữa cơ quan nhà nước và khu vực tư nhân là cơ chế mà cơ quan nhà nước cùng góp vốn, mua cổ phần hoặc phần vốn góp hoặc cùng chia sẻ rủi ro với khu vực tư nhân để đầu tư vào các dự án phát triển công nghiệp văn hoá bao gồm:</p>	<p>Quy định cơ chế đồng đầu tư giữa Nhà nước và khu vực tư nhân nhằm huy động nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển các tài sản sở hữu trí tuệ gốc, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm và sản phẩm có hàm lượng bản</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>a) Tài sản sở hữu trí tuệ gốc trọng điểm;</p> <p>b) Sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm;</p> <p>c) Sản phẩm công nghiệp văn hoá có hàm lượng bản sắc Việt Nam cao, có giá trị kinh tế và giá trị xã hội.</p> <p>2. Việc đồng đầu tư được thực hiện trên cơ sở chia sẻ rủi ro, chia sẻ lợi ích, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh và không làm thay chức năng của thị trường.</p> <p>3. Tỷ lệ vốn của cơ quan nhà nước tham gia đồng đầu tư được xác định theo tính chất, quy mô, mức độ rủi ro và khả năng huy động vốn xã hội của từng loại dự án, không vượt quá tỷ lệ do Chính phủ quy định.</p> <p>4. Cơ quan nhà nước có thể thực hiện đồng đầu tư thông qua:</p> <p>a) Góp vốn đối ứng với vốn của nhà đầu tư;</p> <p>b) Góp vốn thông qua quỹ đầu tư hoặc quỹ đầu tư mạo hiểm;</p> <p>c) Mua cổ phần hoặc phần vốn góp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Chia sẻ rủi ro hoặc chia sẻ doanh thu theo hợp đồng;</p> <p>đ) Các hình thức đồng đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>5. Khoản vốn cơ quan nhà nước đầu tư được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; trường hợp dự án thành công, Nhà nước được thu hồi vốn và phần lợi ích theo phương án đồng đầu tư đã được phê duyệt.</p> <p>6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>sắc Việt Nam cao. Điều này xác định nguyên tắc thực hiện đồng đầu tư trên cơ sở chia sẻ rủi ro, chia sẻ lợi ích, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh và không làm thay chức năng của thị trường; đồng thời quy định các hình thức đồng đầu tư, nguyên tắc quản lý phần vốn nhà nước và giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện.</p>
	Mục 2	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HOÁ	
<p>- Điều 7 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 quy định các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công trong đó bao gồm văn hoá.</p> <p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 42. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với phát triển hạ tầng công nghiệp văn hoá</p> <p>Hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng công nghiệp văn hoá là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, được hưởng hỗ trợ, ưu đãi theo quy định của pháp luật về đầu tư; thuế; đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p>	<p>Thực tiễn cho thấy, hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa ở nước ta còn thiếu đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nhiều ngành công nghiệp văn hóa chưa có hệ thống trung tâm sáng tạo, trung tâm giao dịch bản quyền, không gian sáng tạo, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hạ tầng số phục vụ hoạt động sáng tạo, sản xuất, kinh doanh và quảng bá sản phẩm văn hóa.</p> <p>Điều này quy định cơ chế thu hút đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp văn hoá thông qua việc áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn lực nhà nước đối với các công trình hạ tầng có tính chiến lược, liên vùng và tạo động lực phát triển các ngành công nghiệp văn hoá. Đồng thời, xác định rõ nguyên tắc quản lý, khai thác hạ tầng được đầu tư từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về tài sản công, bảo</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.
<p>- Pháp luật hiện hành chưa có quy định về ưu đãi đối với tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp văn hoá nói chung.</p> <p>- Khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô quy định: “a) Dự án đầu tư mới vào lĩnh vực thể thao và các ngành công nghiệp văn hóa bao gồm quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa, văn hóa ẩm thực theo danh mục chi tiết do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;”</p> <p>- Luật Đầu tư 2020, Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Quy hoạch 2017. Nghị định hiện tại (Điều 8,</p>	<p>Điều 43. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá</p> <p>1. Tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, dự án đầu tư về lĩnh vực công nghiệp văn hóa trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư đối với ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa và dự án đầu tư về lĩnh vực công nghiệp văn hóa có sử dụng đất tại tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được Nhà nước xem xét hỗ trợ:</p> <p>a) Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên trong khu và các hạ tầng kết nối đến khu theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định;</p>	<p>Hiện nay, các không gian sáng tạo tại Việt Nam (như tại Hà Nội, TP.HCM) chủ yếu vận hành dưới dạng doanh nghiệp vừa và nhỏ/quán cà phê, đối mặt với rủi ro lớn về mặt bằng và chi phí vận hành. Thiếu một hành lang pháp lý bảo vệ và thúc đẩy quy mô tập trung (như mô hình Khu tổ hợp sáng tạo văn hóa số của Hàn Quốc (KOCCA), Chiến lược hạ tầng sáng tạo của Vương quốc Anh.).</p> <p>Điều này quy định các chính sách ưu đãi đặc thù đối với hạ tầng công nghiệp văn hóa trên cơ sở kế thừa các chính sách ưu đãi của pháp luật về đầu tư, đất đai, nhà ở và các pháp luật có liên quan, đồng thời bổ sung cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, giao thông kết nối và khai thác hiệu quả các công trình văn hóa trong khu. Quy định nhằm tạo động lực thu hút đầu tư, phát triển đồng bộ hạ tầng công nghiệp văn</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>10, 11) mới dừng lại ở việc định nghĩa và quy định thủ tục thành lập Trung tâm công nghiệp văn hoá ở mức hành chính, chưa thể ban hành các ưu đãi tối cao về đất đai và đầu tư vốn thuộc thẩm quyền của Luật.</p>	<p>b) Tổ chức hệ thống giao thông vận chuyển hành khách công cộng đến cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa.</p> <p>5. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được áp dụng cơ chế ưu đãi cao nhất về đầu tư, đất đai, nhà ở, thuế, tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, vận hành danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, công trình văn hóa, bảo tàng trong tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù, được giữ lại khoản thu từ phí, lệ phí và các nguồn thu hợp pháp khác để chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, số hóa, khai thác và phát triển công trình văn hóa.</p>	<p>hóa và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.</p>
<p>Điều 4 Nghị quyết 28/2026/QH16: “3. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển</p>	<p>Điều 44. Hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa</p> <p>1. Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã được:</p> <p>a) Áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>b) Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư chuyên dùng phục vụ sản xuất, sáng tạo nội dung mà trong nước chưa sản xuất được.</p> <p>2. Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa tiếp cận các chương trình hỗ trợ về tín dụng, bảo lãnh tín dụng, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo,</p>	<p>Điều này quy định các chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi về thuế, tín dụng, không gian sáng tạo, đào tạo và xúc tiến thương mại. Quy định góp phần thúc đẩy hình thành cộng đồng doanh nghiệp sáng tạo, hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của các chủ thể trong</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
kinh tế tư nhân.”	<p>quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các nguồn hỗ trợ tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cá nhân, hộ kinh doanh, nhóm sáng tạo được:</p> <p>a) Miễn, giảm chi phí sử dụng không gian sáng tạo, không gian trưng bày, giới thiệu sản phẩm và hỗ trợ khác trong thời gian ươm tạo. Thời hạn, hình thức hỗ trợ khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đơn vị quản lý quy định;</p> <p>b) Đào tạo, tư vấn khởi nghiệp, quản trị kinh doanh, chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm;</p> <p>c) Ưu tiên các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, quảng bá, kết nối thị trường trong nước và quốc tế;</p> <p>d) Hình thức hỗ trợ khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p>	công nghiệp văn hóa.
Chưa có quy định pháp luật hiện hành thống nhất về quản lý nhà nước về công nghiệp văn hoá.	<p>Điều 45. Hỗ trợ, ưu đãi đầu tư đối với sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Sản xuất, cung cấp sản phẩm công nghiệp văn hoá là ngành, nghề ưu đãi đầu tư, được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư; thuế; đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Sản xuất tài sản trí tuệ gốc trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đầu tư; thuế; đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Dự án sản xuất tài sản trí tuệ gốc trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm thuộc đối tượng dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư thì được hưởng ưu</p>	<p>Các doanh nghiệp công nghiệp văn hóa phải đầu tư lớn cho hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, phát triển nội dung, xây dựng tài sản trí tuệ và thương hiệu, trong khi thời gian thu hồi vốn dài, rủi ro cao và khả năng tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư còn hạn chế. Nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Trung Quốc đều áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng và đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa và các ngành kinh tế sáng tạo.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đãi theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; đất đai và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>4. Doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất tài sản trí tuệ gốc trọng điểm, sản phẩm công nghiệp văn hoá trọng điểm được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan.</p>	<p>Vì vậy, việc bổ sung cơ chế ưu đãi đầu tư là cần thiết để hiện thực hóa mục tiêu đưa công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng.</p>
<p>Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 46. Dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa phải thuộc ngành, nghề mà nhà đầu tư nước ngoài không bị giới hạn tiếp cận thị trường Việt Nam và đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>2. Doanh nghiệp nước ngoài thực hiện dự án quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:</p> <p>a) Sở hữu tài sản trí tuệ văn hoá được nhận diện rộng rãi ở nhiều quốc gia, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại nhiều thị trường, có cộng đồng người hâm mộ quốc tế, có khả năng cấp phép và nhượng quyền trên quy mô toàn cầu;</p> <p>b) Sở hữu công nghệ lõi thuộc nhóm công nghệ số ưu tiên phát triển trong lĩnh vực văn hoá theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Thuộc nhóm doanh nghiệp dẫn đầu thế giới trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, được xác định trên cơ sở năng lực tài chính, năng lực công nghệ, năng lực sản xuất, phân phối, khai thác thương mại, kinh nghiệm hoạt động, dữ liệu thị trường hoặc bảng xếp hạng quốc tế có uy tín.</p>	<p>Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa tại Việt Nam còn hạn chế cả về quy mô và chất lượng, chủ yếu tập trung vào các hoạt động gia công, sản xuất hoặc cung cấp dịch vụ, chưa tạo được sự lan tỏa về công nghệ, quản trị, phát triển tài sản trí tuệ và mở rộng thị trường quốc tế. Trong khi đó, nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE) đều áp dụng chính sách thu hút có chọn lọc các tập đoàn văn hóa, giải trí và công nghệ sáng tạo hàng đầu thế giới nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, chuyển giao công nghệ và đưa sản phẩm văn hóa trong nước ra thị trường toàn cầu.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>3. Dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá cần đáp ứng được các tiêu chí sau đây:</p> <p>a) Doanh nghiệp đầu tư dự án là doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có khai thác tài sản trí tuệ văn hoá Việt Nam;</p> <p>c) Có phát triển tài sản trí tuệ văn hoá Việt Nam;</p> <p>d) Có cam kết đưa tài sản trí tuệ văn hoá Việt Nam ra thị trường quốc tế thông qua mạng lưới phân phối toàn cầu.</p> <p>đ) Có hợp tác với doanh nghiệp công nghiệp văn hoá Việt Nam hoặc nghệ sĩ, nghệ nhân Việt Nam.</p> <p>e) Có cam kết về đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, kết nối dữ liệu và tiến độ thực hiện dự án;</p> <p>g) Có cam kết về việc thực hiện các nghĩa vụ khi chuyển nhượng dự án và trách nhiệm hoàn trả ưu đãi, hỗ trợ trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết.</p> <p>4. Chính phủ quy định cụ thể ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài; tiêu chí quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; trình tự, thủ tục xác định dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút.</p>	
<p>- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 quy định nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế; tổ chức các liên hoan phim quốc tế;</p>	<p>Điều 47. Hỗ trợ, ưu đãi đối với dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật này được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư đối với ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư tại địa bàn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về</p>	<p>Điều này quy định ưu đãi, hỗ trợ đối với dự án đầu tư nước ngoài ưu tiên thu hút trong lĩnh vực công nghiệp văn hoá nhằm thể chế hóa chủ trương chủ động</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>chuyên giao kịch bản phim, phim trong hoạt động quan hệ quốc tế.</p> <p>- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn quy định tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế.</p> <p>- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định hoạt động nhiếp ảnh hợp tác quốc tế trong hoạt động nhiếp ảnh.</p> <p>- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình quy định hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p>	<p>đầu tư và pháp luật khác có liên quan. Dự án có quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập pháp nhân tại Việt Nam được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp tương tự doanh nghiệp Việt Nam khi đầu tư vào hạ tầng số, phát triển giải pháp công nghệ cao phục vụ văn hóa và phát triển trọng điểm các ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa, bao gồm: Du lịch văn hóa; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật; trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam, cụ thể như sau:</p> <p>a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;</p> <p>b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp đối với hoạt động văn hóa;</p> <p>c) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp.</p> <p>3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thiết lập cơ chế một cửa làm đầu mối hướng dẫn quy trình tổ chức sản xuất cho tổ chức, cá nhân</p>	<p>hội nhập quốc tế về văn hóa, bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là các cam kết về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Quy định tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy hợp tác về sản xuất, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 quy định hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản.</p>	<p>nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam và tổ chức sự kiện quốc tế tại Việt Nam.</p> <p>4. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam, tổ chức sự kiện công nghiệp văn hóa có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam có quy mô đáp ứng tiêu chí được hỗ trợ một lần chi phí sản xuất thực tế phát sinh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ.</p> <p>5. Dự án đầu tư hình thành sản phẩm đạt tiêu chí về nội dung bản sắc văn hóa Việt Nam theo quy định tại Điều 30 Luật này, khai thác di sản, lịch sử, văn hóa Việt Nam và quảng bá hình ảnh quốc gia được hưởng ưu đãi bổ sung so với mức ưu đãi chung theo quy định khác của pháp luật liên quan.</p> <p>6. Dự án đầu tư nước ngoài có cam kết thành lập trung tâm nghiên cứu phát triển công nghiệp văn hóa tại Việt Nam được hỗ trợ chi phí đào tạo và nghiên cứu. Khuyến khích, tạo điều kiện nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ cho tổ chức, doanh nghiệp trong nước.</p> <p>7. Dự án đầu tư phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng, phát triển bảo tàng công lập; đầu tư cơ sở bảo quản, phục chế, số hóa, trưng bày, giáo dục, truyền thông và cung cấp dịch vụ bảo tàng được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định của Điều này và pháp luật có liên quan.</p> <p>8. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chí về quy mô vốn đầu tư, năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị; trình tự, thủ tục áp dụng, chấm dứt và thu hồi ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Điều này.</p>	
	<p style="text-align: center;">Mục 3</p> <p style="text-align: center;">HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI KHÁC</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p>	<p>Điều 48. Hỗ trợ, ưu đãi đối với cơ sở công nghiệp văn hoá công cộng</p> <p>1. Tổ chức, doanh nghiệp được công nhận là cơ sở công nghiệp văn hoá công cộng cần đáp ứng đồng thời các điều kiện như sau:</p> <p>a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công hoặc thực hiện nhiệm vụ phục vụ lợi ích công cộng trong các ngành công nghiệp văn hóa;</p> <p>b) Có phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoặc thu nhập không phân phối cho thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu mà được sử dụng để tái đầu tư phát triển hoạt động công nghiệp văn hóa theo quy định của Chính phủ.</p> <p>2. Cơ sở công nghiệp văn hóa công cộng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật về xã hội hóa và pháp luật có liên quan, bao gồm ưu đãi về đất đai, đầu tư, thuế, tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác.</p> <p>3. Khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân cho cơ sở công nghiệp văn hóa công cộng được tính vào khoản chi được trừ hoặc được khấu trừ khi xác định nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.</p> <p>4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.</p>	<p>Hiện nay, nhiều thiết chế văn hóa, bảo tàng tư nhân, không gian sáng tạo, trung tâm nghệ thuật, tổ chức phi lợi nhuận hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa có đóng góp tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, thúc đẩy sáng tạo và mở rộng khả năng tiếp cận văn hóa của người dân. Tuy nhiên, pháp luật chưa có quy định xác định rõ địa vị pháp lý của loại hình cơ sở này cũng như cơ chế ưu đãi tương ứng.</p> <p>Dự thảo Luật quy định tiêu chí công nhận cơ sở công nghiệp văn hóa công cộng theo hướng bảo đảm đúng bản chất là tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận; phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoặc thu nhập không được phân phối mà được tái đầu tư cho hoạt động công nghiệp văn hóa. Đồng thời, quy định cơ sở này được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo pháp luật về xã hội hóa và pháp luật có liên quan như ưu đãi về</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>đất đai, thuế, đầu tư, tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác.</p> <p>Việc giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm quy định cụ thể tiêu chí công nhận, trình tự, thủ tục và cơ chế quản lý, bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện.</p>
	<p style="text-align: center;">Chương VIII QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</p>	
<p>Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 49. Nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án và chính sách phát triển công nghiệp văn hoá; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng hàng hoá, dịch vụ trong công nghiệp văn hoá. 2. Công tác thống kê, thông tin, đo lường, báo cáo về công nghiệp văn hoá. 3. Quản lý tổ hợp sáng tạo văn hoá, cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hoá; nền tảng số quốc gia, hệ thống số quốc gia, cơ sở dữ liệu công nghiệp văn hoá. 4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công nghiệp văn hoá. 5. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp văn hoá. 	<p>Điều này quy định các nội dung quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa nhằm xác định đầy đủ phạm vi quản lý của Nhà nước đối với một lĩnh vực mới, có tính liên ngành, liên lĩnh vực và gắn chặt với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các bộ, ngành và địa phương triển khai nhiệm vụ quản lý, tránh chồng chéo, bỏ sót chức năng quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện.</p> <p>Các nội dung quản lý được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Tổ chức Chính phủ,</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	6. Hợp tác quốc tế về công nghiệp văn hoá.	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các pháp luật có liên quan, bao gồm: xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; thống kê, thông tin và báo cáo; quản lý hạ tầng và thiết chế phát triển công nghiệp văn hóa; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; phát triển nguồn nhân lực; hợp tác quốc tế.
Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các pháp luật có liên quan.	<p>Điều 50. Trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công nghiệp văn hoá;</p> <p>2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp văn hoá;</p> <p>3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong việc quản lý nhà nước về công nghiệp văn hoá trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.</p>	Điều này quy định nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa giữa Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm bảo đảm thống nhất trong quản lý, đồng thời phát huy trách nhiệm của các cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 quy định nhà nước khuyến khích hợp tác quốc tế; tổ chức các liên hoan phim quốc tế; chuyển giao kịch bản	<p>Điều 51. Hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Hoạt động hợp tác quốc tế về phát triển công nghiệp văn hoá tuân thủ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan.</p>	Điều này quy định nguyên tắc và nội dung hợp tác quốc tế trong phát triển công nghiệp văn hóa nhằm thể chế hóa chủ trương chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, bảo đảm phù hợp với các điều

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>phim, phim trong hoạt động quan hệ quốc tế.</p> <p>- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn quy định tổ chức biểu diễn nghệ thuật trong khuôn khổ hợp tác quốc tế.</p> <p>- Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định hoạt động nhiếp ảnh hợp tác quốc tế trong hoạt động nhiếp ảnh.</p> <p>- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình quy định hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.</p>	<p>2. Hoạt động hợp tác quốc tế ưu tiên triển khai bao gồm:</p> <p>a) Đồng sáng tạo, đồng sản xuất, đồng đầu tư và thương mại hóa sản phẩm công nghiệp văn hoá;</p> <p>b) Phát triển, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ, tài sản số trong các ngành công nghiệp văn hoá Việt Nam ở thị trường quốc tế;</p> <p>c) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút chuyên gia, nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà sáng tạo quốc tế;</p> <p>d) Mở rộng thị trường, phát triển mạng lưới phân phối và xúc tiến xuất khẩu sản phẩm công nghiệp văn hoá.</p>	<p>ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là các cam kết về bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa. Quy định tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy hợp tác về sản xuất, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 quy định hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản.</p>		
<p>- Nghị định số 282/2026/NĐ-CP ngày 14/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Chưa có quy định pháp luật hiện hành riêng về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hoá.</p>	<p>Điều 52. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hoá</p> <p>1. Chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá xác định tầm nhìn, mục tiêu dài hạn, định hướng quốc gia về phát triển công nghiệp văn hoá.</p> <p>2. Quy hoạch phát triển công nghiệp văn hoá tổ chức không gian phát triển và phân bổ nguồn lực phát triển công nghiệp văn hoá được tích hợp, đồng bộ với hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p> <p>3. Kế hoạch phát triển công nghiệp văn hoá triển khai chiến lược và quy hoạch theo từng giai đoạn.</p> <p>4. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hoá theo từng thời kỳ.</p>	<p>Quy định này định hình rõ quy trình quản trị công, bảo đảm tính thống nhất với Luật Quy hoạch 2017 và phân định rõ thẩm quyền cấp Bộ - Thủ tướng Chính phủ.</p>
	<p>Điều 53. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ</p> <p>1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa, có nhiệm vụ:</p> <p>a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển công nghiệp văn hoá;</p>	<p>Quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa, phân định rõ chức năng chủ trì, phối hợp theo từng lĩnh vực nhằm bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong xây dựng chính sách và tổ chức thi hành Luật.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>b) Ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ văn hóa hạn chế, hướng dẫn chấm điểm bản sắc Việt Nam;</p> <p>c) Tổ chức vận hành Sàn giao dịch, Kho tài nguyên văn hóa số, Cơ sở dữ liệu quốc gia, nền tảng số dùng chung và hệ thống chỉ tiêu thống kê về công nghiệp văn hóa;</p> <p>d) Tổ chức phát triển thị trường, xúc tiến, hỗ trợ xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, xây dựng thương hiệu quốc gia và điều phối mạng lưới xúc tiến ở nước ngoài;</p> <p>đ) Công nhận và thu hồi công nhận doanh nghiệp, sản phẩm, dự án công nghiệp văn hóa tiêu biểu quốc gia; kiểm tra và công bố Báo cáo thường niên về công nghiệp văn hóa Việt Nam;</p> <p>e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp văn hóa và chế độ báo cáo thống kê ngành;</p> <p>g) Định kỳ hàng năm công bố báo cáo về quy mô, cơ cấu và mức đóng góp của ngành công nghiệp văn hóa vào tổng sản phẩm trong nước; chỉ số phát triển công nghiệp văn hóa tại từng địa phương, từng ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ, ngành ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định về ưu đãi, thuế, chi ngân sách nhà nước, đầu tư công, tín dụng đầu tư của Nhà nước cho phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của Luật này.</p> <p>3. Bộ Công an chủ trì bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh văn hóa trên không gian mạng; phối hợp bảo đảm hạ tầng dữ liệu và giải quyết thủ tục thị thực, cư trú cho đoàn làm phim, sự kiện quốc tế.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc nhận tài sản bảo đảm là tài sản trí tuệ, việc phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản cấp tín dụng cho hoạt động công nghiệp văn hóa; đưa hoạt động sản xuất nội dung số, trò chơi điện tử vào lĩnh vực được ưu tiên tiếp cận tín dụng.</p> <p>5. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong chức năng nhiệm vụ hướng dẫn các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến phát triển công nghiệp văn hóa theo quy định của Luật này.</p> <p>6. Bộ Công Thương chủ trì về xúc tiến thương mại, tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm xuất khẩu và phòng vệ thương mại đối với sản phẩm, dịch vụ văn hóa; bảo đảm tính tương thích của các cơ chế quy định tại Luật này với cam kết quốc tế về thương mại.</p> <p>7. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì về đào tạo nhân lực và mở, phát triển ngành đào tạo về trò chơi điện tử, kỹ xảo, thiết kế số.</p> <p>8. Bộ Xây dựng chủ trì hướng dẫn tích hợp chỉ tiêu diện tích công trình văn hóa, không gian sáng tạo trong quy hoạch đô thị và nông thôn.</p> <p>9. Bộ Nội vụ chủ trì về chính sách lao động, bảo hiểm xã hội, giấy phép lao động và chuẩn kỹ năng nghề trong ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>10. Bộ, cơ quan ngang Bộ khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước và tổ chức thi hành Luật này.</p>	
	Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp	Quy định trách nhiệm của Ủy

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa của địa phương phù hợp với Chiến lược quốc gia và lợi thế của địa phương;</p> <p>b) Bố trí ngân sách địa phương, quỹ đất, quỹ nhà, đất, công trình cho phát triển công nghiệp văn hóa; ban hành theo thẩm quyền chính sách hỗ trợ bổ sung ngoài chính sách quy định tại Luật này;</p> <p>c) Đưa chỉ tiêu hạ tầng công nghiệp văn hóa, gồm số ghế rạp, ghế nhà hát trên một vạn dân và ít nhất một thiết chế biểu diễn đa năng, vào quy hoạch tỉnh và kế hoạch sử dụng đất;</p> <p>d) Công nhận và thu hồi công nhận trung tâm công nghiệp văn hóa, không gian văn hóa sáng tạo, sản phẩm, dự án công nghiệp văn hóa tiêu biểu cấp tỉnh; tổ chức kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia; tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại và hỗ trợ doanh nghiệp, người sáng tạo trên địa bàn;</p> <p>đ) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và hằng năm báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn.</p> <p>2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa theo phân cấp, phân quyền; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân hoạt động sáng tạo, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa; hỗ trợ phát triển nghề thủ công truyền thống, làng nghề; bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường tại khu vực có hoạt động văn hóa cộng đồng và thu thập, cập nhật dữ liệu theo hướng dẫn.</p> <p>3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn</p>	<p>ban nhân dân các cấp trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách phát triển công nghiệp văn hóa, bố trí nguồn lực, phát triển hạ tầng, hỗ trợ doanh nghiệp và người sáng tạo theo phân cấp, phân quyền; đồng thời tạo cơ sở để địa phương chủ động ban hành các chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hóa trên địa bàn ngoài các chính sách quy định tại Luật này, bao gồm hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ chi phí sáng tạo, giải thưởng sáng tác, thu hút nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ sử dụng thiết chế văn hóa.	
<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao dịch điện tử số: 20/2023/QH15 ; - Luật Dữ liệu số: 60/2024/QH15 - Nghị định số 194/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước. - Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/3/2026 ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; - Tuy nhiên, hiện tại chưa có quy định của pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghiệp văn hóa. 	<p>Điều 55. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghiệp văn hóa là tập hợp thông tin, dữ liệu số hóa về ngành công nghiệp văn hóa được xây dựng, lưu trữ, quản lý và vận hành thống nhất từ trung ương đến địa phương.</p> <p>2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghiệp văn hóa bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dữ liệu di sản văn hóa đã được số hóa phục vụ sáng tạo và thương mại; b) Dữ liệu về tài sản trí tuệ, biểu tượng văn hóa, nhân tài, nhân lực chất lượng cao và sản phẩm, dịch vụ; c) Dữ liệu về các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp văn hóa; d) Dữ liệu về hệ thống không gian sáng tạo, tổ hợp văn hóa - giải trí, khu công nghiệp văn hóa và cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp văn hóa; đ) Dữ liệu về chính sách, chương trình, dự án ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ đầu tư và kết quả hoạt động công nghiệp văn hóa. <p>3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, quản lý và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển công nghiệp văn hóa;</p>	<p>Hiện chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất phục vụ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu. Việc bổ sung quy định này tạo nền tảng cho quản trị số và hoạch định chính sách dựa trên dữ liệu.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về dữ liệu.	
<p>- Luật Thống kê số 89/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 138/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê</p> <p>- Hiện tại chưa có quy định của cụ thể của pháp luật về thống kê ngành công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Điều 56. Thống kê ngành công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Thống kê ngành công nghiệp văn hóa là việc thu thập, tổng hợp, phân tích và công bố dữ liệu thống kê phản ánh quy mô, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng và đóng góp kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp văn hóa trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp văn hóa gồm các nhóm chỉ tiêu phản ánh: giá trị sản xuất, doanh thu, vốn đầu tư; số lượng cơ sở và lao động; xuất khẩu, nhập khẩu; tài sản trí tuệ; chi tiêu của hộ gia đình và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp văn hóa.</p>	<p>Việc bổ sung hệ thống chỉ tiêu thống kê sẽ tạo cơ sở đánh giá chính xác quy mô, tốc độ tăng trưởng và đóng góp của công nghiệp văn hóa đối với GDP, việc làm và thương mại quốc tế, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.</p>
<p>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13;</p> <p>- Nghị định số 86/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đo lường;</p> <p>- Hiện tại chưa có quy định của pháp luật về Bộ chỉ số và hoạt động đo lường phát triển công</p>	<p>Điều 57. Bộ chỉ số và hoạt động đo lường phát triển công nghiệp văn hóa</p> <p>1. Đo lường phát triển công nghiệp văn hóa được thực hiện thông qua việc đánh giá tổng thể các chỉ số về năng lực sáng tạo, hiệu quả kinh tế, tác động xã hội và mức độ thụ hưởng văn hóa của Nhân dân.</p> <p>2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng và ban hành Bộ chỉ số phát triển công nghiệp văn hóa, bao gồm:</p>	<p>Quy định này tạo cơ sở hình thành công cụ đánh giá định lượng về năng lực sáng tạo, hiệu quả kinh tế, tác động xã hội và sức lan tỏa của công nghiệp văn hóa, làm căn cứ phân bổ nguồn lực, đánh giá hiệu quả chính sách và so sánh giữa các địa phương.</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
nghiệp văn hóa.	<p>a) Chỉ số năng lực sáng tạo và môi trường phát triển công nghiệp văn hóa địa phương;</p> <p>b) Chỉ số tiêu dùng, tiếp cận và thụ hưởng sản phẩm, dịch vụ văn hóa của người dân;</p> <p>c) Chỉ số sức lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc và uy tín thương hiệu văn hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế;</p> <p>d) Bộ chỉ số đánh giá sự tác động tới di sản văn hóa trước, trong và sau khi thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp văn hóa.</p> <p>3. Kết quả đo lường, đánh giá chỉ số phát triển công nghiệp văn hóa được công bố công khai hằng năm và là căn cứ để:</p> <p>a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa của Nhà nước và các địa phương;</p> <p>b) Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực ngân sách nhà nước, các quỹ hỗ trợ phát triển văn hóa và hiệu quả thi hành chính sách.</p>	
	Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
	<p>Điều 58. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan</p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 theo hướng bổ sung doanh nghiệp công nghiệp văn hóa và dự án đầu tư mới trong ngành công nghiệp văn hóa thuộc Danh mục ưu tiên vào đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, thể chế hóa đầy đủ các chính sách phát triển công nghiệp văn hóa; tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các cơ chế ưu đãi về đầu tư, thuế, sở</p>

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 Luật Thuế thu nhập cá nhân để giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia, nghệ sĩ, nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài làm việc trong ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam, theo quy định tại Điều 21 và Điều 47 của Luật này.</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ theo hướng:</p> <p>a) Bổ sung quy định về cấp phép tập thể mở rộng của tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan đáp ứng điều kiện về tính đại diện, phục vụ khai thác khối lượng lớn tác phẩm và vận hành Sàn giao dịch quy định tại Điều... và Điều... của Luật này;</p> <p>b) Bổ sung trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả đối với hành vi sao chép để khai thác văn bản và dữ liệu phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, không nhằm mục đích thương mại; thỏa thuận hạn chế ngoại lệ này không có hiệu lực;</p> <p>c) Bổ sung quyền tuyên bố từ chối của chủ thể quyền đối với việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình làm dữ liệu huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo cho mục đích thương mại, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về trí tuệ nhân tạo.</p> <p>4. Sửa đổi, bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng cho phép cho thuê, chuyển đổi công năng nhà, đất, công trình thuộc sở hữu nhà nước chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hiệu quả để phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa với giá ưu đãi và theo trình tự, thủ tục rút gọn; cho phép đơn vị sự nghiệp công lập giữ lại nguồn thu để tái đầu tư, phù hợp với Điều 22 và Điều 43 Luật này.</p>	<p>hữu trí tuệ, quản lý tài sản công, hỗ trợ doanh nghiệp và các chính sách đặc thù khác, qua đó thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa trở thành ngành kinh tế quan trọng.</p>
	<p>Điều 59. Hiệu lực thi hành</p> <p>Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2027.</p>	

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	QUY ĐỊNH TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 60. Quy định chuyển tiếp	